

SỐ 27:16 DÉCEMBRE 1942

THANH-NGH!

NGHI-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VU ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Chính thể độc tài | PHAN ANH |
| — Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Một vấn đề lịch sử nên học | NG. THIỆU LÂU |
| — Dấu cũ Loa hành | NG. VĂN HUYỀN |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII Bài thứ 9 | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Vấn đề sử liệu từ đời Ân Thương về trước | Đ. T. M. |
| — Nhớ (Tùy hứng) | Đ. G. T. |
| — Danh văn ngoại quốc: Chính văn Katherine Mansfield | PHẠM CHÍ LƯƠNG |
| — Một ý kiến khác về cô Kiều bị bắt | ĐÀO DUY ANH |
| — Cách tỉ lệ trong ngôn ngữ trong văn chương Pháp và Việt nam | VŨ BỘI-LIÊU |
| — Ý kiến bạn đọc: Thăng châu Vinh | NGUYỄN THỊ QUY |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |
| — Đọc sách mới | L. M. V. |

TÒA BÁO : 102 PHỐ HÀNG BÔNG HÀNOI. GIẤY NÓI 672, GIÁ : 0\$25

3 tháng : 1\$ 50 ; 6 tháng : 2\$ 80 ; 12 tháng : 5\$ 40

<https://tleulun.hopto.org>

SAU thời-kỳ Âu-chiến năm 1914-1918, chính-thể đại-nghị, rất thịnh-hành — Ở những nước thắng trận, chính-thể ấy nguyên có sẵn, thì lại vững vàng thêm; ở những nước bại trận người ta cũng quay đầu theo chính-thể ấy, tưởng như nó có thể cứu vãn quốc gia thoát khỏi vòng thất-bại —

Nhưng chẳng bao lâu người ta đã nhận thấy chính-thể đại-nghị chưa hẳn là một chính-thể hoàn toàn.

Cuộc kinh-tế khủng hoảng bắt đầu từ năm 1929 đã làm chấn động hoàn-cầu và đã gieo một mối ngờ vào sự tin-cậy vô-hạn đối với chế-độ đại-nghị —

Trước những sự khốn-khắc do một nền kinh-tế hỗn-độn gây nên, Chính phủ các nước đại-nghị, đều tỏ ra bất-lực — Chính-thể đại-nghị khoan hồng quá, quyền hành-chính nhu nhược quá, nên không thể đối phó được với thời cục khó-khăn — Bởi thế nên từ khi cuộc kinh-thế khủng hoảng xảy ra ở hoàn-cầu, người ta đã nhận thấy cần phải cải cách nền chính-trị đương-thời —

Cải-cách thế nào cho hoàn-hảo?

Trong khi các nước mạnh như Anh, Mỹ, Pháp còn đương đề-dặt dùng những phương-pháp tạm thời, để mong đến một sự giải-quyết chu-đáo thì những nước khác như Nga, Đức, Ý, không thể chờ đợi được, bởi tình-thế cấp-bách, phải cải cách ngay, không do dự mà trộn lẫn một chế-độ cực đoan là chế-độ Độc-Tài —

Họ trộn chế-độ này chưa hẳn là vì họ tin rằng chế-độ ấy hoàn-toàn, nhưng chỉ vì chế-độ ấy hợp với hoàn-cảnh tình-thế đương-thời của họ

Họ đương ở một địa-vị rất hủ-bại, cần phải cải cách ngay: chế-độ độc tài sẽ là một lợi-khí cải-cách nhanh chóng và triệt để —

Và vì chế-độ độc-tài có hai đặc-diểm sau này:

1) Quyền hành - chính và lập-pháp thu vào một cơ-quan.

2) Trong nước chỉ có một chính đảng.

Chính-pháp hợp-nhất vào một cơ-quan tức là cho chính-phủ được toàn-quyền hành-động, bất cứ về vấn đề gì, cũng có thể thi-hành nhanh-chóng — Trong nước chỉ có một chính-đảng,

Chinh thể độc tài

PHAN ANH

tức là đảng của chính-phủ, vậy thì chính-phủ không bị một trở-lực nào ngăn-cản hay chỉ-rich hành-động của mình, trái lại cả nước đều ủng hộ — và nhắm mắt theo người cầm-quyền —

Ta sẽ xét mấy đặc-diểm ấy ở chính-thể hai nước Ý, Đức.

Chinh-thể độc-tài ở Ý. — sau cuộc Âu - chiến trước, tình hình hủ - bại trong nước đã gây lên cuộc cách-mệnh faciste — năm 1922 ở Rome mà đứng đầu là ông Mussolini hiện nay cầm quyền độc-đoàn ở Ý —

1) **Thủ-tướng với Nghị-viện.** Nước Ý vẫn là một nước quân-chủ-lập-hiến; có vua cầm quyền hành-chính và Nghị-viện cầm quyền lập-pháp. Nhưng từ khi đảng Fasciste lên cầm-quyền thì tình-thế chính-trị đổi hẳn.

Đạo luật ngày 24 tháng chạp năm 1925 và đạo luật ngày 31 tháng giêng năm 1926 đã tước gần hết quyền của Vua và nghị viện mà dồn vào tay vị thủ tướng. Thủ tướng thay mặt vua điều-khiến chính trị, tự ý kén chọn các vị thượng thư, phân phối công việc các Bộ. Về thảo an pháp luật, hệ thủ tướng có chuẩn y thì mới được đem ra thảo luận ở Nghị viện. Và ở những trường hợp đặc biệt, Thủ tướng có quyền thay Nghị-viện mà quyết định về pháp luật.

Xem thế thì quyền lập pháp của Nghị-Viện rất mong manh. Huống chi, theo cách tuyển cử hiện thời, thì nghị viện chỉ là những tay sai của đảng Fasciste. Theo đạo luật ứng cử ngày 2 tháng chín năm 1928, mỗi khi có việc bầu cử dân-biểu, thì các công đoàn (Syndicats) trong nước giới thiệu cho Đại Hội Nghị của Đảng (Grand Conseil du Fascisme) 1000 tên: trong bảng ấy Đại Hội Nghị sẽ trộn lẫn 400 người, rồi đưa ra cho quốc-dân duyệt y.

2) **Chính phủ với đảng Faciste.** — Tôn chỉ của đảng Faciste đã trường tồn kể trong đạo luật ngày 13 tháng chạp năm 1928. Đại khái có thể tóm tắt như sau đây: Vận mệnh của quốc-gia phải đề trên, tư lợi của cá nhân, hay giai-cấp — Vậy chủ nghĩa giai-cấp phần đầu là nhằm

và có ảnh hưởng hại cho quốc-gia — Nhưng giai-cấp cần lao vốn là nguồn sinh lực rất quan trọng của quốc-gia, nên quốc gia phải bênh vực giai cấp ấy — Và tư-bản cũng cần duy-trì vì trong công cuộc sản-xuất, chính phủ không thể hoàn toàn thay tư-gia được. Muốn tới mục đích ấy, thì trong các ngành sản xuất sẽ lập các công đoàn (Syndicat) công đoàn thợ, và công đoàn chủ. Trong một ngành đại biểu của và đại biểu của chủ ngang số nhau lại hợp lại thành một nghiệp đoàn (corporation) — Chính phủ có một bộ gọi là Bộ Nghiệp Đoàn (Ministère des corporations) để liên lạc với các công đoàn mà điều khiển kinh tế và giải quyết những sự lôi thôi xảy ra giữa bao công và tư-bản.

Để đạt được chương trình ấy và duy trì cái nền móng ấy cho được vững bền, trong nước phải có một chính đảng hoạt động truyền bá tư tưởng kể trên.

Đạo luật ngày 9 tháng chạp năm 1928 tổ chức một cách công nhiên chính đảng faciste.

Đảng gồm có những «đội chiến đấu» (faisceaux de combat) hợp lại thành «tỉnh đội»; rồi tỉnh đội lại hợp lại và đặt dưới quyền của «Quốc đội» (Directoire National) — Đứng đầu đảng có vị Tổng bí thư và quyền tối cao là ở lãnh-tụ «Duce» tức là Mussolini.

Đảng có một đạo dân-binh (milice volontaire) rất hoạt động, rất đặc lực, số đông là thanh-niên các trường đại học và các công sở.

Cố nhiên là đảng rất mật thiết liên lạc với chính phủ: lãnh tụ đảng hiện là Thủ Tướng — Nhưng ngoài ra, Tổng bí thư của đảng cũng có quyền tham-dự hội đồng thượng thư, và một thí dụ rõ ràng nhất về sự liên lạc mật thiết ấy là cách tổ chức của Đại Hội Nghị của Đảng (Grand Conseil du Fascisme).

Đại Hội Nghị gồm có hai vị Viện-trưởng, Thượng và hạ nghị-viện, một số đông các vị Tổng-Trưởng, viên Tổng bí thư của đảng, viên Quản-đạo đạo dân-binh

Xem đó thì biết, Đại hội nghị ấy tức là một cơ quan chung của quốc-gia và của đảng.

Đại hội nghị có hai thứ quyền: quyền định-doạt như là lựa chọn nhân viên của Hạ nghị viện đã nói trên, quyền thẩm-vấn về tất cả những vấn đề lập-hiến.

Chinh-thể độc-tài ở Đức. — Ở Ý, với chế độ độc tài hiện thời, người ta phải trải qua một cuộc cách mệnh — Cách mệnh ở Nga năm 1917, cách mệnh ở Ý năm 1922 — Trái lại ở Đức chính-thể quốc-xã hiện thời, nổi gót chính-thể đại-nghị weimar một cách công nhiên và ôn-hòa.

1) **Thủ tướng có toàn quyền.** — Thất bại ở Munich năm 1923 đảng phải bị truy nã, trừng-phạt, và chính thân mình cũng bị giam tù. Hitler vẫn phấn đấu, và 10 năm sau, năm 1933 đắc thắng ở cuộc ứng cử, được cầm quyền thủ-tướng

Trước khi nhà độc tài này lên cầm quyền, chính thể Đức như ta đã có dịp nói qua, là một chính thể đại nghị, quyền lập pháp giao cho một nghị viện và quyền hành chính ở trong tay một vị quốc-trưởng có hội đồng tổng-trưởng giúp việc.

Khi Hitler lên cầm quyền thì đảng của ông chiếm 44.7% nghị viên. Sau vụ đốt cháy nghị-đường những nghị viên cộng sản phải bắt giam cầm hay chôn tránh, thì vây cánh của ông ở Nghị viện đủ tỷ-số 2/3 để cải cách lại hiến pháp.

Đạo-luật ngày 23, tháng ba năm 1933 đã đòi chính-thể đại-nghị ra chính độc tài: cho phép chính phủ toàn quyền hành-động trong hạn 4 năm nghĩa là ngày 1er tháng tư năm 1937.

Nhưng từ cổ nhiên khi người ta đã có toàn-quyền, người ta tất phải lợi-dụng cơ hội cho nên hạn 4 năm kia đã hết mà quyền chính-phủ vẫn càng ngày càng tăng.

2) **Chính-phủ với đảng Quốc-Xã.**

Đòi được toàn-quyền, đảng quốc-xã tìm ngay phương-pháp giữ vững thế lực của mình: nên ban bố mấy đạo-luật giải tán các chính đảng khác. Rồi đến đạo luật 11 tháng bảy năm 1933, cấm không được lập chính đảng mới nữa — Từ đó nước Đức chỉ có một chính-đảng là đảng quốc-xã.

Cũng như ở Nga và ở Ý, đảng rất mật-thiết liên lạc với chính phủ: thí-dụ: đạo luật 1er

(Xem tiếp trang 26)

VÀI KIẾN-THỨC PHỔ-THÔNG VỀ XÃ-HỘI VÀ KINH-TẾ HỌC

Cuộc tiến-hóa của nền tư bản Âu-Tây

VŨ VĂN HIỀN

II

NỀN TƯ-BẢN LÚC KHỞI-THỦY

TRONG số trước tôi đã nói tư-sản không đủ làm cho xã hội tiến đến trình-độ tư-bản nhưng nếu không có một số vốn to thì chế-độ tư-bản không thành lập được. Vốn hay là tư-sản tích-tru sản là một điều kiện cần cho nền tư-bản, tuy rằng không phải là một điều kiện đủ để gây nên lối tổ chức xã-hội ấy.

Điều đó kẻ cũng dễ hiểu: nếu không có vốn tích-trữ trong xã-hội thì người sản-xuất bắt buộc phải tiêu-thụ ngay sản-phẩm của mình hoặc phải đổi-trắc ngay thứ đó với người chung quanh không thể đợi đem bán cho người xa lạ được; Nếu không có tư-bản sẵn, thị-trường không thể mở rộng mà kỹ-thuật không thể tiến-bộ được, vì muốn thay đổi hay cải-cách các dụng-cụ hay khí-cụ nhân-công cần phải đợi, cần phải qua một thời kỳ chưa hưởng ngay được kết-quả công việc mình làm.

Vậy vì đâu mà các nước Âu-tây đã có đủ vốn để gây nên nền tư-bản?

Về đời Trung-cổ, ngay từ hồi quân thập-tự (Croisades) kéo sang miền Cận-đông, nhiều xứ phía Nam châu Âu đã được lãi rất nhiều trong việc cung-cấp cho quân-lính và trong việc giao-thương với miền Cận-đông.

Nhiều tỉnh ở Ý như Florence, Venise nhờ thế mà thành đồng-đức thịnh-vượng; rồi từ Ý, sự buôn bán các sản-phẩm mới lan rộng ra các nước ở tây-bắc châu Âu.

Theo đường thủy thì hàng-hoa từ Hòa-Lan và Bỉ thì dừng lại để chi phối đi các xứ khác, vì thế nên kinh-tế Hòa-Lan, nhất là ở những thành-phố to như Anvers, tiến bộ rất sớm; ở Pháp thì tại các miền Lyon và Champagnel là các nơi tiện đường vận-tải thường có những cuộc hội-chợ (fo res) to, để giao-dịch về tiền bạc và hàng hóa.

Hồi đó ở Âu-châu sự giao-dịch quốc-tế đã là nguồn lợi quan-trọng nhất và tuy toàn-thể sự sản-xuất vẫn còn tổ-chức theo lối tiểu-công-nghệ, nhưng cũng có vài nơi kỹ-nghệ đã bắt đầu sản-xuất cho các thị-trường xa lạ và nhân-công đã bắt đầu phân-biệt với tư-bản.

Nhưng tới thế-kỷ 16 hay 17, tùy từng nơi, nền tư-bản cận-đại mới bắt đầu xuất-hiện một cách rõ rệt.

Cuối thế-kỷ thứ 15 và đầu thế-kỷ thứ 16, người Âu-châu bắt đầu tìm được đường thủy để giao thông với châu Mỹ cùng các xứ ở phía đông châu Á và phía nam châu Phi: một đường thì người Bồ-Đào-Nha sang buôn bán từ Ấn-Độ, Java, Sumatra và Moluques; một đường thì người Y-Pha-Nho chiếm cứ lấy châu Mỹ.

Bao nhiêu sản-vật các xứ ở nhiệt đới như café, đường, bông, lụa v. v. nhờ thế đổ dồn về Âu-châu. Sự buôn bán với các thuộc-địa, sự buôn người da đen và sự chiếm đoạt đất đai, cướp bóc tiền của của các thổ dân làm cho những nhà buôn bấy giờ được lãi tới 200 hay 300%.

Không những thế người Bồ-Đào-Nha và Y-Pha-Nho còn tìm thấy mỏ vàng và bạc ở Mexique, Chili và Pérou, chiếm được những kho vàng tích-tữ từ bao nhiêu đời của thổ-dân châu Mỹ. Vì thế từ đầu thế-kỷ 16 đến thế-kỷ 17, sự sản-xuất vàng và bạc — nhất là bạc — tăng lên gấp năm mà 4 phần 5 số sản-xuất ấy là do ở châu Mỹ thuộc Y-Pha-Nho trở về.

Lúc đầu thì người Y-Pha-Nho và Bồ-Đào-Nha còn hết sức ngăn không cho các thứ kim-khí đó ra khỏi biên-thủy nước mình, nhưng về sau (một phần lớn cũng vì buôn lậu), vàng bạc cũng chỉ phơi sang khắp mọi nước ở phía tây châu Âu và làm cho giá mọi vật tăng gấp lên từ 100 tới 200%.

Nhờ có tư-bản mới và sự tăng giá ấy nên ở khắp mọi nơi kinh-tế đều tiến bộ, sự giao-dịch thêm hoạt-động và nhiều kỹ-nghệ mới bắt đầu

thiết-lập. Ngay ở các miền thôn quê nước Pháp, bấy giờ người ta đã thấy nhiều thương dân tranh nhau mua những điền-thộ của các họ quý-phái bị sa sút.

Ngoài ra, sự cho vay lãi — nhất là cho các vua chúa vay vì triều-đình nào bấy giờ cũng bị sự sa sút và chiến-tranh làm cho càng ngày càng cần tiền ; sự lĩnh chung các thứ thuế của giáo hoàng, của nhà nước ; sự khai khẩn các mỏ cũng là những nguồn lợi lớn, của nhiều giòng họ sẽ chiếm một địa vị cao trong xã-hội sau này.

Theo ông Max Weber — người Đức có nhẽ là nhà xã-hội-học thâm-thúy nhất của cận-đại — thì sự cải-lương tôn-giáo về thế-kỷ 16, nhất là phái Tân-giáo Calvin phát khởi từ Thụy-sĩ, cũng làm cho nền kinh-tế Âu-tây bước mau từ lối tổ chức trung-cổ sang lối tổ-chức tư-bản.

Phái Calvinistes công-kích sự bại-hoại của giòng đạo theo Giáo-hoàng hồi bấy giờ quen sống trong sự sung-túc về vật-chất ; họ cổ-động quay về lối sống giản-dị và kham khổ theo những tin-đồ ban-sơ của đạo Cơ-đốc. Vì theo tín-ngưỡng của mình, phái ấy phải làm việc nhiều mà tiêu-thụ rất ít nên ngay từ thế kỷ 16, những người theo Tân-giáo ở miền Alsace và nước Anh đã để dành được rất nhiều vốn.

Nhưng ảnh-hưởng kinh-tế của cuộc cải-lương tôn-giáo chẳng phải có thế mà thôi.

Cuộc cách-mệnh tinh-thần ấy có có ảnh-hưởng xâu-sa hơn vì nó đã thay đổi hẳn quan-niệm của một phần xã-hội Âu-tây, về sự hoạt động kinh-tế.

Theo phái Calvinistes thì «tinh thần» và «vật-chất» là hai việc khác nhau, không thể nói rằng «tinh-thần» bao giờ cũng phải đề trên «vật-chất»! sự làm việc và sự làm

chòn chức-nghiệp của mình là một điều hay tuy rằng do chỉ là công việc về vật-chất ; giàu có là kết quả của sự làm việc, sự dè sẻn, sự gắng sức đối với ngoại vật và đối cả mình — vì muốn để dành người ta phải gắng sức luôn luôn để thắng những dục vọng của mình.

Tân giáo khuyến người ta làm việc và tích-trữ vốn để có phương tiện làm những điều thiện, trái hẳn với cựu giáo cấm sự theo đuổi quyền-lợi về vật-chất và sự tích-trữ tiền của.

Xã-hội Âu-tây hồi đầu thế-kỷ 16 đã sẵn một số vốn to lại có cả một nền luân-lý mới khuyến-khích sự san-xuất và tích-súc, nên chế-độ tư-bản nảy nở ở đây rất chóng.

Từ thế-kỷ 16, người ta đã thấy tại nhiều thành-thị theo Tân-giáo như Lyon và Liverpool Anvers thành lập những trung-tâm-điểm đầu tiên của nền tư-bản cận đại ; rồi từ đấy lối tổ-chức mới lan dần ra khắp các xứ Tây-Âu, nhất là Hòa-lan (gồm cả nước Bỉ bây giờ) và Anh cát-lợi và Pháp. (còn nữa)

V. V. H.

Xem kỳ sau III Vài đặc-điểm của xã-hội tư bản hồi thế-kỷ 16 và 17

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

5-12-42 CÓ BẢN :

NGUYỄN DU và TRUYỆN KIỀU

của
NGUYỄN BÁCH KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến của Nguyễn Du và truyện Kiều của nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ :
Lập Trai, Nguyễn công Trứ, Tản Đà, Yên Sơn, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh, Hoài Thanh...
Sách dày 350 trang giá 3\$50
Có in nhiều bản để đáp hao hạng giá từ 12\$ đến 50\$ ai muốn mua hỏi :

hàn-thuyên

71, Rue Tiên Tsin — HANOI

MỘT VẤN ĐỀ

LỊCH-SỬ' NÊN HỌC

NGUYỄN THIỆU LÂU

L. T. S. Phàm môn học vào cũng vậy, cái khó là nhìn làm sao cho thấy rõ vấn-đề mình cần phải giải-quết. Sự tìm tòi, khảo cứu chỉ là công việc phụ mà thôi.

Những người chuyên về môn sử học ở nước ta đều công nhận rằng bao nhiêu tài liệu có thể giúp ích đôi chút đều bị thất lạc gần hết. Loạn-lạc và sự ngu độn của loài người đã làm mất mát, vương vãi những sách vở giấy má có thể mang lại cho chúng ta một ít ánh sáng. Phải lục-lọi trong các thư-viện của tư-gia, phải tìm tòi ở chốn thôn quê, hẻo lánh họa may mới thấy những tài liệu hiếm có, cho nên công việc một người có thể làm được mà ta công-việc của tất cả mọi người trong nước.

Nhưng lãnh-đạm vốn là bản tính của phần đông người mình. Xem như một việc tò tuẩn báo Bạn Đường gần đây có mở cuộc thi điều - tra về địa-dư nhân - sinh mà không có một tiếng vang nào đáp lại thì biết. Tờ Bạn Đường đình bản, đã tưởng cuộc điều tra đó không thành. May sao đoan tráng Sinh của Hướng-dạo Bắc kỳ lại sốt sắng đứng ra đảm nhận công việc tưởng là bỏ rở Làn lượt những làng ở quanh Hanoi đã được điều tra kỹ càng. Kết quả tuy còn ít ỏi nhưng rất là đáng chú ý, khuyến khích ngợi khen.

Ngày nay ô. Nguyễn Thiệu Lâu lại có sáng ý hô hào các nhà trí thức trong nước giúp một tay vào Việc sưu tầm tài liệu về cuộc Nam tiến của giống Việt Nam. Vấn-đề ô. Nguyễn nêu ra rất là mới lạ, chưa ai nghĩ đến bao giờ. Đồ cử nhân văn chương ở Pháp, chuyên môn về khoa địa dư hiện ông đang giúp việc cho trường Viễn Đông Bác Cổ. Ông là người đủ điều kiện để giải quyết vấn đề ông tự đặt ra. Ông có hứa với chúng tôi rằng sẽ đem những tài liệu tìm thấy trình bày cùng độc giả T. N. và nếu không có một ai hưởng ứng thì ông sẽ giải quyết vấn-đề ông nêu ra tỉ eo quan-điểm của riêng ông. Nhưng chúng tôi chắc rằng các đấng-giả trí thức của T. N. sẽ đáp lại tiếng gọi của Nguyễn Quán một cách sốt sắng và T. N. sẽ được cái hân-hạnh trình bày kết quả sự tìm tòi của các bạn xa gần.

CŨNG như xứ Nam kỳ, xứ Trung kỳ — từ giãy núi Hoành sơn trở vào — không phải là đất đai của nòi giống ta. Dân tộc ta — dân Giao chỉ — từ khi, khởi thủy cho đến thế kỷ thứ X chỉ sống ở trung châu Bắc kỳ và phía bắc Trung (Thanh hoá, Nghệ an, Hà tĩnh). Chịu ảnh hưởng của người Tàu, rất sâu xa, rộng rãi — trước và sau thế kỷ thứ X — giống ta chỉ đã hầu như bỏ hết tính cách riêng của mình; nhưng — cũng một phần nhờ sự giáo hóa đó — giống ấy, sau thế kỷ thứ X, sau khi đã tự trị và độc lập được, đã chàn lấn về phía nam, vượt quá Trung kỳ tới Nam kỳ. Tính cách giống Giao Chỉ: chịu ảnh hưởng của người Tàu mà không thành người Tàu — tuy có mất bản lĩnh, một bản lĩnh mà ta không biết — chiếm đất đai của các giống khác về phía nam — giống Chiêm Thành (ở Trung kỳ) và giống Cao Man (ở Nam kỳ) — và uong hóa các giống ấy, làm thành một dân tộc mới có tên rất đúng, rất tiêu biểu là DÂN TỘC VIỆT NAM: thật trong lịch sử các giống, «Việt Nam» ta rất mạnh mẽ.

Học về cuộc nam tiến của giống Giao Chỉ, tức là học về lịch sử sự thành lập dân tộc Việt Nam; tức là học về lịch sử của ta vậy.

Tiếc thay, từ trước đến giờ, các nhà sử học không nhìn rõ rằng đó là lịch sử.

(Xem tiếp trang 27)

DẤU CỦ LOA THÀNH

NG. V. HUYÊN

(tiếp theo số 24)
TRUYỀN Kim-
quy trong Lĩnh-
nam, trích quái bản
A. 33 có chép tiếp
rằng:

« Đắp thành ở đất
Việt-thường (1).
Nhưng đắp đoạn thì
lại đổ (2). Vua bèn
lập đàn trai giới cầu
đạo bách thần (3).
Ngày mồng bảy
tháng ba (4) thấy
m ộ t ó n g c ụ t ừ
phương đông đi lại
(5) đến cửa thành
thì than rằng: « Xây
dựng thành này bao
giờ mà xong được »
(6) Vua mừng đón
vào thành mời lên

điện, làm lễ tạ mà hỏi rằng: (7) « Tôi đắp
thành này hầu nên lại đổ, tổn hại công lực mà
không xong là tại làm sao? » (8) Ông cụ nói:
« Sẽ có sứ Thanh-giang lại, cùng vua cùng đắp
thì tất nên được. » (9) Nói xong từ đi (10)

(1) Bản A. 1897 chép: « Đắp thành ở Việt-thường, dựng
điện mà ở ». Hai bản A. 1920 và A. 2107 chép: « An dương
vương đắp thành ở Việt-thường thị ».

(2) Bản A. 1920 chép: « Thành ấy đắp xong thì hoàn toàn
đổ ».

(3) Hai bản A. 749 và A. 1549 không có chữ *bách thần*.
Bản A. 1897 chép: « vua sợ, đạo thần » Hai bản A. 1920 và
A. 2107 chép: « vua lo đấy. Bèn lập đàn trai giới cầu thiên
địa thần kỳ ».

(4) Bản A. 1897 không chép là ngày nào.

(5) Bản A. 1200 chép: « ...từ cửa đông lại... » Bản A. 1887
chép: « có một ông cụ từ *Thục* lại ». Bản A. 1549 chép:
« chợt thấy một ông cụ từ *tây* lại ».

(6) Bản A. 1897 chép tắt là: « Thành này khi nào mới
nên ». Hai bản A. 1920 và A. 2107 không có câu này.

(7) Bản A. 749 chép: « Vua mời vào, lấy hỏi rằng... » Bản
A. 1200 chép: « Vua mừng đón vào điện, làm lễ bái yết rồi
hỏi rằng... » Bản A. 1897 chép: « Vua mừng mời vào phía
trên điện rồi hỏi rằng... » Bản A. 1549 chép: « Vua đón vào
điện trên, lấy mà khóc rằng... »

(8) Bản A. 749 chép: Đắp thành này lâu không nên là làm
sao vậy? ». Bản A. 1897 chép: « quả nhân đắp thành này
chẳng nên là làm sao? »

(9) Hai bản A. 749 và A. 1200 chép: « ...khác số
có... » Bản A. 1897 chép: « *Giang* sứ... cùng đắp thành này
mới xong ». Bản A. 1549 chép: « ...khác số có Thanh-giang
sứ cùng vua cùng đắp mới xong ». Hai bản A. 1920 và
A. 2107 chép: « Ngày khác *đội* Thanh-giang sứ lại; Vua
cùng [sứ] cùng đắp mới xong ».

(10) Bản A. 1897 chép: « nói xong nhảy lên mây mà thăng ».

« Ngày hôm sau vua ra cửa đông đứng ngóng
(1). Chợt thấy một (con) kim-quy từ phương
đông lại, đứng ở trên mặt nước, biết dùng tiếng
người mà nói; tự xưng là sứ Thanh-giang, biết
rõ được việc thiên-địa âm-dương quỷ-thần. (2)
Vua mừng nói: (3) « Chính đây là ông cụ đã
lấy mà mách ta vậy! » (4) Bèn lấy xe vàng đón
vào trong thành, mời lên ngồi trên điện, rồi lấy
cỗ đắp thành không nên mà hỏi. (5)

Kim-quy nói: Đây là tinh khí của núi sông, con
Vua trước vì nước báo cứu. (6) Lại thêm có con
gà trắng (sống đã) nghìn năm hóa làm yêu tinh
ăn ở núi Thất-diện. (7) Trong núi có quỷ (triều
trước có một nhạc-công chết chôn ở đấy mà hóa
làm quỷ) (8). Bên cạnh có một cái quán đề người
qua lại ngủ đỡ. Chủ quán tên là Ngô-không, có
một người con gái và một đôi gà trắng (tức là đư-
ợc khí của quỷ-linh). Phàm ai qua lại mà ngủ nhờ
ở đấy thì quỷ linh sẽ hóa ra thiên hình vạn trạng

(1) Bản A. 1920 và A. 2107 chép: « Ngày hôm sau
Dương-vương ra chơi cửa đông chợt thấy... » Bản A. 1897
chép: « Vua sớm ra cửa đông đứng mong » Hai bản A. 1920
và 2107 chép: « Ngày sau vua lại đứng ở cửa đông ngóng
đấy ».

(2) Bản A. 1897 chép: « ...nổi từ trên mặt nước... » Bản
A. 1549 chép: « tự xưng » làm » tự nói là... » Bản A. 1920
không có chữ « thiên địa »

(3) Hai bản A. 749 và A. 1200 không có chữ « mừng »
Bản A. 1897 lại chép là « cả mừng ».

(4) Bản A. 33 chép: « Thử lão nhân sở dĩ cáo ngã ».
Bản A. 1897 bỏ hai chữ « sở dĩ »; bản A. 1549 thay chữ
« đã » bằng chữ « già »; bản A. 1920 thay chữ « cáo »
bằng chữ « ngữ ».

(5) Bản A. 749 chép: « Bèn khiến lấy kim-dur khiêng vào
trong thành... » Bản A. 1549 cũng chép chữ « khiêng » (dur)
thay chữ « » (ngheñh). Ba bản A. 1897, A. 1920 và
A. 2107 lại chép: « ...mắm vàng (mà mang vào). »

(6) bản A. 749 chép: « đây là tinh khí của núi sông
vua trước phụ vào để vì nước báo cứu ». Bản A. 1200 chép:
« Đây là tinh khí của tiên là con vua trước vì nước
báo cứu ». Hai bản A. 1897 và A. 1549 chép: « Đấy này là
khí của núi sông, con vua trước phụ vào... » Hai bản
A. 1920 và A. 2107 chỉ chép: « Đây là tinh khí của núi sông ».

(7) Bản A. 1897 chép: « Lại thêm một con gà sống trắng
đã nghìn năm ăn ở núi Thất-diện. Bản A. 1920 chép: « có con
hạc trắng nghìn năm... »

(8) Hai bản A. 749 và A. 1549 chép: « Trong núi có quỷ
tức là nhạc công đời trước chôn ở đấy... » Bản A. 1200
chép: « ...hoá làm giảo quỷ ». Bản A. 1897 chép: « Có đờ
nhạc cổ chôn ở đấy hóa làm quỷ tinh ».

mà làm hại. Kẻ bị chết vì nó rất nhiều (1). Nay con gà sống trắng lấy người con gái chủ quán. Nếu giết con gà sống đi thì yếm mát được quỷ tinh (2) Nó tắt tụ âm khi mà làm yêu quái, hóa ra con chim cú ngậm thư bay lên trên cây chiêm-dân tâu với Thượng-đế xin làm đồ thành. Thần sẽ căn rơi bức thư ấy. Nhà vua kịp thu lấy, thì thành sẽ dựng nên được (3). »

Ta lại so đoạn này với các sách sử thì thấy trong «*Khâm-định*» có chép : «*Trước vua đắp Loa-thành, đắp xong thì đồ. Bèn ăn chay cầu đảo rồi lại đắp. Chợt có một thần-nhân hiện ra ở cửa Nam. Vua hỏi thì nói : «*Đội sứ Thanh-giang lại.*» Ngày thứ buổi sớm thấy một con kim-quy nổi ở trong sông mà lại. Nói tiếng người tự xưng là sứ Thanh-giang. Vua mừng mời vào hỏi vì có gì thành đồ, kim-quy nhân mách thuật trừ yêu (4).*»

Trong *Sử-ký* thì chép : «*Bính-ngọ, năm thứ ba : Loa-thành xong. Trước kia vua đắp thành đắp xong lại đồ. Vua lo, bèn ăn chay cầu đảo rồi lại đắp. Đến đây có thần nhân hiện ở cửa thành. Vua hỏi đấy thì trả lời rằng : «*Đội sứ Thanh-giang lại.*» Rồi lập tức từ đi. Ngày thứ buổi sớm vua trở dậy, ra thành thì thấy một con kim - quy từ phía đông nổi trong sông mà lại ; xưng là sứ Thanh - giang. Nói được tiếng người mà bàn việc vị - lai. Vua mừng đặt lên mâm vàng. Hỏi nguyên do việc thành đồ. Kim*

(1) Bản A. 1200 chép : «*Bên cạnh có một quán xá...*» Bản A. 1897 chép : «*... có một người con gái nuôi gà trắng ...*» Hai bản A. 1549 và A. 2107 chép : «*... có một người con gái và một con gà trắng là dư khí của quỷ thần...*» Bản A. 1920 chép : «*... có một người con gái và một con phượng trắng...*»

(2) Hai bản A. 749 và A. 1549 chép : «*Nay con bắt con gà và con gái chủ quán giết đi thì tinh sạch*» «*chắc duyệt*». Bản A. 1200 chỉ chép : «*Nếu giết con sống*». bản A. 1920 chép : «*Nay giết con phượng sống, giết con gái chủ.*» Bản A. 2107 chép : «*Nay con sống trắng lấy con gái chủ quán, giết gà thời duyệt được quỷ tinh*».

Cả đoạn này bản A. 1897 chép khác rằng : «*Những quỷ tinh này phau tự hợp. Ban ngày khiến chim cú ngậm thư bay đứng ở trên cây bồ - đàn tâu lên tiên - đế để xin hoá thành. Nếu được gà trắng thì*» «*chắc duyệt...*»

(3) Hai bản A. 749 và 1549 chép : «*Nay con bắt con gà và con gái chủ quán giết đi thì tinh sạch*» «*chắc duyệt*». Bản A. 1200 chép : «*... thời thần sẽ hóa thành con chuột già cắn rơi bức thư ấy...*» Bản A. 1920 chép : «*Nó tắt tụ khí làm yêu quái..*» Bản A. 2107 chép : «*Nó tắt tụ dương khí làm yêu quái...thần sẽ cắn chân con cú...*»

(4) Ngoại kỷ q. 1 tr. 15b-17a

quy rằng : «*Đất này là tinh của núi sông ; có con vua trước phụ vào đề vì nước báo cừu- ân ở núi Thất-diện. Trong núi có quỷ tức là phách một người linh-nhân đời trước lần quất ở đấy mà hóa ra. Bên cạnh có quán. Chủ quán Ngô-không có một người con gái. Nhà nuôi một con gà trắng (là tinh ấy bám vào) thường hại người qua lại. Yêu khi một ngày một thịnh nên có thể làm đồ được thành. Nếu giết được con gà ấy thì trừ được con tinh ấy. Vậy sau thành tự nhiên vững bền.*» (1)

Trong *Toàn-thư* về việc này có chép : «*Giáp thìn, năm đầu : Thành ấy đắp xong thì đồ. Vua lo bèn trai giới cầu đảo thiên - địa sơn xuyên thần rồi lại hưng công đắp.*

«*Bính-ngọ, năm thứ ba : Mùa xuân tháng ba chợt có thần - nhân đến cửa thành, chỏ thành trời mà rằng : «*Công đắp bao giờ xong được!*» Vua tiếp vào trên điện, hỏi thì đáp rằng : «*Đội sứ Thanh - giang lại.*» Rồi lập tức từ đi. Ngày sau buổi sớm vua ra cửa thành quả thấy một con kim-quy từ đông nổi trong sông mà lại Xưng là Giang-sứ. Biết nói tiếng người và bàn việc vị-lai. Vua rất mừng, lấy mâm vàng đề lên Rồi đặt mâm trên điện. Hỏi nguyên do thành đồ. Kim-quy nói : «*Đây là tinh khí núi sông đất này ; con Vua trước phụ vào đề vì nước báo cừu ân ở núi Thất-diện. Trong núi có quỷ (ấy là linh nhân đời trước chết chôn ở đấy mà hóa làm quỷ) Bên núi có quán. Chủ quán ông là Ngô-không có một người con gái và một con gà trắng, là dư khí của tinh ấy. — Phàm người qua lại đến đấy ngủ đêm tắt là chết. Đây là quỷ nó hại. — Nó hay kêu nhau họp thành đàn nên làm đồ thành được. Nếu giết con gà trắng trừ tinh khí ấy thì thành làm xong mà bền vững được,*» (2).*

(1) Ngoại kỷ q. 1 tr. 11b

(2) Ngoại kỷ q. 1 tr. 6.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng em gái.

Tờ báo dành cho nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm : 6p.00, 3p.00, 3 th. 1p.60

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THỤY AN, Journal Đàn Bà

76, Wiéle — Hanoi

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẢN dịch

BÀI THỨ CHÍN

IV.— Mariny

6.— *Hoàng-cung*.—Nền từ kẻ chợ ta sang Hoàng cung thì ta sẽ thấy không phải chỉ có một cung điện đâu nhưng một thành phố rất mỹ lệ và rất khang trang tuy kiến trúc điêu khắc thắm, dẹt hay đồ đạc không có gì đặc sắc. Nhưng có lính canh gác, các sĩ quan, các chức nghiệp, cư dân tất cả các nước đến tụ họp ở đây, trật tự, chế phục, công viên, voi ngựa, binh khí, đạn dược tích trữ ở đây, làm cho hoàng thành có vẻ dị kỳ và quá sức ta diễn tả; tuy cung thất bằng gỗ, nhưng có dát vàng và có những bức thêu, những tấm chiếu rất mảnh, có nhiều hình và nhuộm nhiều màu tựa như những bức thảm đắt tiền. Ta còn thấy xây trên những cửa tò vò và những tường dày lạ lùng một cung thất là chỗ vua ở, người ta đồn của người Tàu xây hồi còn cai trị xứ này.

Nhưng để cho khỏi ra ngoài chuyện Hoàng Cung ta sẽ không khó học mà biết rằng cung ấy làm trên một rừng cột to và chắc, cao một tầng thôi có thang leo lên; và cột nhà thì đẹp đẽ và chau chuốt hơn các nhà khác. Để dựng cung, người ta đã gọi những tay kiến trúc rất thiện nghệ và những thợ cả rất lành nghề vì chỉ những người này mới được phép đặt tay vào và chăm nom, các công việc của nhà vua. Còn dân gán và phu phen không bao giờ được dính vào những việc này. Cung điện còn lại đến ngày nay xây trên một chỗ đất cao; và nếu người dân ngoài muốn xây một cung nữa thì họ sẽ chọn chỗ nào có địa thế tiện lợi nhất vừa để cai trị được khắp vùng vừa để tránh lụt cho dễ.

Các gian điện rất rộng rãi; hành lang rộng và đi hun hút mãi có những sân rộng tiện dụng cho bọn thị thần và các vũ sĩ. Trong cung có nhiều viện là chỗ ở các cung phi ở, các bà nội lại bị coi giữ rất nghiêm ngặt. Viện này đẹp, gian xấu; người đẹp và có tài sắc được ở những gian đẹp nhất và nhất nhưng tất cả các viện đều thấp hơn cung vua. Các quan thị cũng ở trong khu này; các triều thần cũng vậy các vị này đông lắm, Số các cung nhân không nhất định, ước

chừng năm trăm người nhưng người nào đứng sau số một trăm bị coi như cung nữ, Hoàng Hậu đứng trên tất cả bọn cung nhân và rất được tôn trọng tuy ngài không có con. Có bao nhiêu cung phi thì có bấy nhiêu quan thị để coi sóc hành vi của họ và không rời mắt khỏi họ lúc nào. Vua rất trọng đãi các quan thị, ban cho họ những quyền cao, nói cho họ biết những chuyện rất can hệ và đi giao phó cả tính mệnh cho họ. Bọn « tiểu đồng » (Pages) cũng đông lắm có một viên giám đốc trông nom giấy bảo; nhờ ơn Chúa, mấy đứa tờ và thầy này bây giờ thành kẻ ngoan đạo hơn là thành bọn thần, nhưng không được phép ra vào cung viện các bà phi.

Trong cung thành còn có một đạo quân hơn năm vạn người đóng trại để hộ vệ vua tùy lúc cần đến, có hơn năm trăm voi nuôi dùng vào việc chiến trận hay để phô trương, phải luyện tập luôn cho voi để giải trí cho .. ? (on fait faire très-souvent l'exercice par divertissement). Ngoài ra còn vô số bọn nô bộc để làm những việc tỉ tiện trong cung, không kể những người có quyền chỉ huy hay đốc xuất lại còn đông hơn nữa.

7.— *Cách tiếp rước sứ Tàu*. Khi đức vua vì hành tung giá ngự rất long trọng và uy nghiêm vào mấy ngày trong một năm, hoặc để đi trước đón đường tiếp rước sứ thần Trung Quốc, tất cả các quan đại thần thị tể tùy giá, bên văn ban cũng như võ bị, ai nấy đeo dấu hiệu của bộ mình và có rước đông thuộc hạ mang chế phục riêng. Lại còn nhiều các quan khác nữa cả văn lẫn võ, mặc phục rất đẹp, trong số này có nhiều ông chưa đủ bổ vào phụng sự đức vua nhưng cũng đến chực và khoe khoang được chú ý hơn kẻ khác của mình để hồng tiến thân và thành tựu, làm tăng vẻ long trọng và uy nghiêm của long giá lên.

Cái phục của bọn tiểu đồng nhất là của binh lính, bộ binh và kỵ binh hợp thành một cảnh sắc huy hoàng và rực rỡ mà ít bậc quân vương gây ra được. Mỗi một đội có một binh phục riêng áo khác màu với đội khác. Binh khí mà mỗi người mang trong những dịp này giáo trường trường thương, tên, súng hỏa mai, yên nguyệt đao, đoản

thương hay siêu đao múa cả hai tay đều chơn chu và sáng nhoáng, có dát vàng, dát bạc, hay nạm ngà., (1)

Thủy quân cũng không kém lộng lẫy. Trên kia tôi đã nói đến số, đến sự đẹp đẽ đến đặc tính và binh khí của các thuyền chiến; nhưng nói như thế sẽ rất ít nếu tôi không nói cách dùng những thuyền ấy khi vua đồng ý với chúa, phải đem một đoàn thuyền chiến đi đón sứ Trung Quốc, và dàn thuyền ra thành thế trận trên sông để sứ Tàu giải tri. Sự tiếp rước này rất linh đình và sán lạn. Trong lúc tiếp kiến đầu trên, Vua và chúa mặc triều phục theo lối tằm và di hia, mũi nhọn vênh lên như mũi những chiếc thuyền nhỏ và đội một thứ mũ trông rất kỳ khôi. Vua và chúa quì lễ bốn lễ và vái một vái giải bài nhận sắc thư của vua Tàu do sứ thần mang đến và giao cho. Đi đâu sứ thần cũng ở bên phải vua và đứng làm người đại diện của hoàng-đế, được các đình thần bái mạng. Lễ tiếp nghênh xong rồi thì sứ thần được thù tiếp như người thường nhưng vì ông ta là người ngoại quốc vẫn được tôn trọng như một đường quan.

Một cuộc vui được diễn ra để nghênh tiếp sứ thần Trung hoa là cuộc sắp các thuyền chiến thành hàng năm chiếc một, hàng nọ cách hàng kia đều nhau, thuyền sau nổi thuyền trước thành nhiều giầy giải, được trang điểm rất đẹp đẽ. Hai bên bờ sông, trên suốt một quãng giải mấy dặm, có dựng nhiều cột trên cắm cờ màu sắc khác nhau gió luôn luôn làm phấp phới. Các đội bộ binh đóng khắp nơi chỗ này giống trống, chỗ kia đánh thanh la, có chỗ thổi sáo thổi kèn để đáp lại. Lúc sứ thần sắp đến, quân lính hoan hô vang giời, và bắn một loạt súng hỏa mai và thần công để chào; lúc sứ Tàu ở dưới thuyền lên bộ bọn thuyền thủ bỏ mái chèo tay cầm súng và đợi cho thuyền chiến bắn súng thần công xong, cũng bắn một loạt súng hỏa mai để tỏ dấu vui mừng và hoan hỉ.

8 — *Bơi chải.* Nhưng khi họ phải ~~trận~~ với nhau để xem ai bơi mau và thử tài bơi nòng (— vào lòng dịp nước lụt), đức vua ngự ra ngoài đô thành, đến một quận dịch theo hiệu lệnh của viên an chỉ huy, các thuyền chiến đều bơi hết sức nhả khỏi thủy trại rất có thứ tự lần lượt đến chỗ đầu thuyền bắt đầu thì nhau chạy, cái nọ khích cái kia xem cái nào nhanh và ai bơi khéo, bơi khỏe. Bọn thuyền thủ bơi không có ghé ngồi, tay cầm chèo, mỗi bên mạn thuyền hai mươi nhăm đến ba mươi người; khác với thủy thủ Âu-châu, họ quay mặt về phía mũi thuyền. Theo hiệu người hoa tiêu họ bơi có nhịp, rất đều, lúc nhanh, lúc chậm, theo tiếng gõ vào thanh gỗ đặt chéo trên một bệ cao đằng cuối thuyền là chỗ

người hoa tiêu lên ngồi để hướng dẫn và điều khiển. Vui nhất là khi ta thấy một chiếc thuyền bị đuổi lại và bị các thuyền khác bỏ xa. Thôi thì tiếng kêu gào, lời chế nhạo, sự xấu hổ làm kích thích bọn trai bạn; bọn này bỏ lối chèo lúc trước, nghiêng rặng, mồm mồm, dậm chân xuống sàn thuyền thỉnh thoảng lại cõ vũ nhau, gập cong lưng, cúi mình có khi đầu chạm bàn tay cầm mái chèo; thu toàn lực, họ...(arranquent) vội vàng đến nỗi người như sút đi chỉ còn lại một nửa, đầu mái chèo chỉ chạm sơ xuống nước, thuyền bay hơn là chôi đến gần những người khác rồi (?), họ đứng thẳng người lên, không bơi dữ dội như thế nữa, thở một chút để phòng lúc gần đến đích đã chọn họ còn hơi dần lên trước nhất. Mà khi đã trông thấy, nhận thấy đích từ đằng xa rồi, thì hình như ngủ say sức tỉnh, họ đứng thẳng mắt trông đích tay cầm chèo họ đặt tất cả hi vọng vào hai cánh tay họ làm rung chuyển mái chèo, thiếu chút nữa thì chèo gãy; chân tay rã rời, đầu nghẹo đi, cầm tựa lên một bên vai; giá mái chèo không làm bằng một thứ gỗ mềm và sai khiến được thì nhiều chiếc đã gãy rồi. Thuyền nào về đích đầu tiên, được thưởng và được hoan hô vang giời.

Đức vua còn đến quán dịch có hai tầng này với các triều thần mỗi khi nước lụt xem nước lên biển những cánh đồng rộng thành bể cả tai hại thế nào ngài cho là một sự vui thích dị kỳ khi đứng trên lầu các này xem bao nhiêu dân đã sống bị bõm trong đồng nước dùng bao nhiêu thuyền để cái dề câu cá cái dề vớt đồ, cãi nhau, đánh nhau; xem các trò vui bơi chải và tất cả các quang cảnh vừa vui vừa thảm do nạn nước gây ra.

(trang 117 — 125)

Thủy quân. — Đức vua có hai nghìn chiến thuyền không kể vô số những thuyền con nữa. Tuy vậy thủy quân của ngài cũng không được bằng các hạm đội tàu và bên Âu Châu về súng ống, — quân lực và không bao giờ ngài bảo giữ một số tàu thuyền nhiều như thế đâu. Ngài chỉ cầm chừng vài trăm chiếc galères và frustes đậu ở bến, lúc nào cũng sẵn sàng để chiến đấu, một phần lớn của ngài, một phần của các quan đại thần và thái giám vì có chức vụ trong nước và tùy theo phẩm chất của mình mà phải giữ mỗi người mấy chiếc. Và cái nào cũng phải sửa soạn ra khỏi để phụng sự đức vua: như thế ngài có thể lập được nhiều thủy đội mà không tốn kém lắm Trong một cuộc đi thăm tỉnh Bắc kinh, đức vua lên hành hương trên một ngôi đền (hay chùa), và một viên thái giám thân tín của ngài mới tập lên, từ thấy suốt dọc sông chạy bên đường, trên một quãng giải, và một rừng (cột buồm) và mà một số thuyền đi hộ giá ngài nhiều đến nỗi đếm không xuể tôi đâm chán và mãi ngẫm

(Xem tiếp trang 25)

(1) Xem đoạn thứ 9 (Thủy quân) đăng tiếp dưới này.

Vấn đề sử liệu từ đời...

Một mối cảm tưởng khó chịu cho chúng ta trong lúc học cổ-sử Trung-quốc, là sự mâu-thuẫn quá rõ rệt giữa quan-niệm truyền thống hiện vẫn lưu-hành, và sự thiếu thốn về tài-liệu xác-thực để bằng-chứng cho sử-quan. Theo quan-diểm của các sử-gia ngày xưa, thì nước Trung-quốc đã có một nguồn gốc dĩ vãng, già-cổ muốn ngang hàng với những nước tối cổ trên địa-cần. Nhiều sử-gia đã nêu lên cho chúng ta những thể hệ đế-vương dài đằng-dặc: trước nhà Hạ, (2205-1766 tr. G. T.) còn có Ngũ-đế, trước Ngũ-đế còn có Tam-hoàng. Ấy là chưa kể những ngôi vua mà họ tin rằng đã cai-trị nước Tàu từ đời Bàn-cổ (...?) cho đến Phục-hi (2852-2736? tr. G. T.)... Họ có ghi tên những ngôi vua như là Ly-súc, Túc-lục, Trung-ương, Bá-hoàng, Đại-dinh, Dung-thành, họ đã bắc thang lên đến tận lúc giờ đất còn mịt mờ, hỗn-độn, mà chẳng «ngợ» tí nào!

Trong cuốn sách «Le livre de mon ami» của Anatole France, hai cậu bé con — Pierre Nozière và Fontanet — một ngày kia đã định viết một bộ sử nước Pháp toàn bộ là 50 quyển, Nhưng vừa

Thực ra, không phải đợi đến ngày nay, mới có kẻ nghi ngờ với tiền sử Trung-quốc. Ngay về đời Xuân thu (722-480 tr. G. M.), Khổng-tử đã than phiền rằng: văn hiến đời Hạ và đời Ân không đủ bằng chứng nữa. Nhà sử-gia có tiếng đời Hán là Tư mã Thiên (245-86 tr. G. T.) cũng phàn nàn về sự các nhà nho vẫn nói đến Ngũ-đế, nhưng trong cổ điển không hề có chứng cứ gì.

Về mặt văn-tự, các nhà sử ngày trước, lúc dẫn chứng về cổ sử họ vẫn bảo: chứng cứ không thiếu! Và họ chỉ cho ta những bộ sách mà họ tin đứt rằng đã viết từ đời thượng cổ. Bộ Tả truyện đã kể ra những nào là tam phần, là ngũ điển, là bát sách, là cửu kỳ. Cửu kỳ là sách đời Hạ, bát sách là sách bát quái, là bộ Dịch lý gồm có ba phần Liên-sơn (đời Hạ), Quy-tàng (đời Thương) và Chu-dịch (đời Chu).

Tam phần, ngũ điển cũ hơn nữa: Tam phần là sách đời Tam-hoàng; ngũ-diễn chép việc đời Ngũ-đế.. Nhưng Tam-hoàng Ngũ-đế là những vua nào? Trong các bộ sách Tàu, chúng ta đã thấy đến hai thuyết khác nhau về Ngũ-đế, và bốn thuyết không đồng về Tam-hoàng. Vậy thì tin

...Ân Thương về trước

Đ. T. M.

định «khởi thảo», thì hai nhà sử gia bé con đã chạm trán ngay với Tentobochus đại vương, cao đến 30 pieds (non mười thước tây)... Thế rồi chỉ vì Pierre Nozière không có gan «nhảy quá» Tentobochus mà bộ Pháp quốc sử toàn bộ 50 quyển cũng đình chỉ ngay từ Tentobochus. Các nhà sử Trung quốc ngày xưa táo gan hơn Pierre Nozière và Fontanet. Họ đã không ngần ngại gì trong lúc họ «nhảy» từ Tentobochus này đến Tentobochus kia.

Nhưng khoa học phê bình đã cho ta nhiều lý do để mà hoài nghi.

(1) Thương và Ân cũng là một dòng vua. Nhưng từ Thành Thang (1783-1753) cho đến Bàn Canh (1401-1373) người ta quen gọi là Thương. Bàn-canh dời Ninh đô qua đất Ân, vì đến đời vua Trụ (1154-1123) thì bị nhà Chu thay thế. Các nhà sử ngày nay thường dùng chữ Ân để chỉ thể-hệ nhà Thương. Theo lẽ thứ thì nên gọi là Thương Ân thì phải hơn, (Thương trước Ân) nhưng phải chăng, vì vấn đề Âm hưởng mà họ để chữ Thương xuống dưới. «chữ Ân đọc ngắn hơn chữ Thương».

vào đâu? Một điều lạ là lúc họ dẫn ra những tên khác nhau mà họ vẫn không hề công kích mấy người kia nói nhảm, cũng không dẫn chứng có gì để chứng minh rằng lời họ đúng. Đọc giả và tác giả tin nhau là được rồi! Tiếng quan thoại An-nam ta có câu: «lời nói Tam-hoàng Ngũ-đế» để cười nhạo người nói những câu không thể tin được. Lương tri của dân-tộc ta đã trường giở sự bạo táo của các nhà sử không chịu phê phán. Nhưng các nhà sử Tàu không hiểu tiếng An-nam

Tuy vậy ta dù không có những chứng cứ để mà tin, thì ta cũng không có những lý do gì để mà phủ-nhận. Làm thế nào mà luận chứng (démontrer) sự tồn tại (inexistence)?

Hà, biết đâu rồi đây ta sẽ không may mắn hơn người trước? Biết đâu rồi đây ta sẽ không tìm ra những chứng cứ xác đáng cho những câu chuyện mà sử khoa ngày nay, trong trình độ hiện tại, còn cho là một quãng khuyết nghi? Cuộc thuồng các nhà cổ học gần đây đã đào được bộ xương Người Bắc-kinh cùng nhiều khí cụ về thời-kỳ thạch-cũ bằng đá, bằng xương

ở Chu-khẩn-diêm, và nhiều đồ dùng nhiều binh khí ở Ninh-hạ, ở Du-lâm Tuyên-hóa và Vạn-toàn, đồ bằng đá, bằng đất ở ngoại Mông-cổ. Các nhà học giả như Z. G. Anderson và Dr. Davidson Black đã căn cứ vào đây mà kết luận rằng: vào khoảng 200.000 năm (có kẻ nói 400.000) về trước, giống người đã xuất hiện ở Tàu, và cách đây 3700 năm thì có phần chắc chắn là văn hóa. Tàu đã đến một trình độ khá cao. Số là trong những khí cụ đào được ở miền bắc nước Trung-quốc, từ vùng Liêu-ninh, qua Hà-nam đến Cam-túc, người ta đã thấy những dao, dùi, cối đá, tiền, vỏ-hàu gương, dao, mũi tên, và nhiều đồ gốm, đồ bát, ấm chén đã có những nước men, những nét vẽ rõ rệt tính thẩm mỹ thuật.

Tuy vậy về mặt khí-cụ, còn cần sưu tầm thêm, và nghiên cứu kỹ càng hơn nữa, mới có thể đi tới một thiên kết luận xác-đáng và có hệ thống. Hiện nay chưa có thể dựa vào đây mà tìm chân tướng xã-hội nước Tàu ngày xưa được.

Về đời nhà Thương, thời hiện nay chúng ta còn được một ít tài liệu sử sách đề mà kê cứu — Lễ cổ nhiên sử liệu đời Ân cũng chưa có thể nói rằng dồi dào. Cũng như ở các xã-hội cổ các nước khác, ở Tàu thời gian và nhân sự cũng đã lần lượt đem bao nhiêu dấu cũ của tiền triều mà vùi dập vào trong hầm dĩ vãng, hoặc hủy hoại trong ngọn lửa vô tình của chính thể chuyên chế, của các trận binh đao hồi nội loạn. Riêng về phần sách vở, chúng ta biết rằng về hồi Tần Thủy-Hoàng (246-209 tr. G. T.) nhất thống Trung-quốc (vào khoảng năm 213 tr. G. T.) đã hạ một đạo lệnh đốt sách trong có hai mục sau này:

1. Bao nhiêu sách sử-quan chép lại nếu không phải sách nhà Tần, phải đốt hết.

2. Những tư gia nếu ai có trữ những sách Thi, Thư, Bách-tử, các quan địa phương phải sưu tập mà đốt cho hết.

Thủy-Hoàng vẫn tin bói toán và lại chú trọng đến thực-nghiệp, nên chỉ cho đốt những sách bói, sách thuốc, và sách nói về ngư, giống cây. Nhưng tư tưởng ngày trước sau cơn hỏa hoạn đó, nếu còn « sống sót » được một vài phần trong trăm nghìn, thì cũng không khỏi cái nạn « sao thất bản ». Ấy là chưa kể những công cuộc phá hoại trong mấy đời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

Bao nhiêu sách vở có cho một cuộc đời Ân mà ngày nay chúng ta còn được thấy hiện tại đến đời Chu mới chép. Đã thế, ngay sau mấy bộ sách đó, sau khi Tần Thủy-Hoàng đã hạ cái lệnh phần thư chúng ta vừa nói trên đây, thì cũng không chắc gì là còn có đảm-bảo mười phần chắc chắn nữa.

Trong mấy bộ Tứ-thư: Luận-ngữ, Đại-học, Trung-dụng, Mạnh-tử là sách chép học thuyết

chính tông phái Khổng-tử nhưng thỉnh thoảng cũng có nhắc đến đời Thương, Ân, để làm chứng cho lời nói « Thánh nhơn ». Tuy vậy mà sự quan hệ về phần lịch sử không được bao nhiêu. Khảo cứu về sử nên căn cứ về Ngũ kinh thì hơn. Trong năm bộ sách này, bộ « Lễ-ký » là do các nhà Nho đời Hán chép vậy nên cũng không đáng tin cho lắm.

Bộ « Xuân-thu là một pho « quan báo » không khan nhưng cũng có tính cách khoa học và chuyên chép thời sự nước Tàu từ năm 722 đến 481 tr. G. T. Tuy vậy trong lúc chép chính-trị các nước chư-hầu hồi Xuân-thu, bộ Xuân-thu cũng thỉnh thoảng có gián tiếp cho chúng ta một ít tài liệu về đời Ân Thương.

Kinh-Dịch (phần Quy-tàng) cũng có thể cung cấp cho chúng ta ít quan-niệm đại cương về văn hóa Tàu trong hồi ấy.

Bộ Kinh-thi, trong thiên Thương-tụng cũng còn chép lại mấy bài thi-ca tán dương công đức vua nhà Thương (1766-1122) ngày trước. Bộ Kinh-thi cũng không thoát khỏi cái nạn hỏa hoạn đời Tần, nhưng về đầu đời Hán (thế kỷ thứ hai tr. G.) người ta còn nhớ được bốn thể (Lỗ thi, Tề thi, Hán thi và Mao thi). Bốn bản này theo lời truyền ngôn thì nội dung giống nhau nhưng chỉ khác nhau về mặt chữ. Số là chữ Tàu thường thường địa phương này với địa phương khác đọc vẫn khác nhau nên đến lúc chép ra thành chữ cũng khác. Tuy vậy chỗ tương đồng về ý nghĩa bốn thể Kinh-Thi cũng đủ chứng thực rằng Kinh-Thi là một sử liệu đích xác. Hiện nay chỉ còn lại bản Mao thi là bản Kinh thi do Mao Trành người nước Triệu truyền lại.

Kinh thư là một sử-liệu có giá trị hơn. Nội dung Kinh thư vẫn còn nhiều câu nghi vấn. Trong bộ sách có chép đến đời Nghiêu Thuấn, nhưng có thiệt là mấy thiên vẫn chương nói về đời Đường Ngu đã xuất hiện từ đời Nghiêu (Đường) Thuấn (Ngu) hay không? Nếu như bộ sách này mới chép từ đời Chu thì tác giả đã căn cứ vào những sử-liệu nào? Tiếc sử Khổng-tử nói chính Khổng đã chép Kinh-Thi và Kinh Thư nhưng hiện nay cũng chưa có chứng cứ gì rõ về địa vị của họ Khổng trong bản sách này là thế nào?

Chỉ biết rằng bộ Kinh-Thư ngày nay chúng ta còn đọc gồm có hai phần. Phần Kim-văn có 28, 29 thiên là mấy thiên mà một nhà nho tên là Phục - Sinh (hay là Phục - Thắng) đã chịu khó học thuộc lòng và chép đến lúc Tần mất Hán lên thì đọc trăm cho người nhà chép lại. Vì thế mà có nhiều chỗ « chữ được chữ mất ». Gọi là Kim-văn (chữ đời nay) là vì ngay đầu thời nhà Hán sách này đã chép theo lối chữ mới.

Phần thứ hai là phần chép theo lối chữ cổ (Khoa-đầu) gồm có 58 chương, tìm được trong một bức tường nhà thờ Khổng Tử, và do tay Khổng-An-Quốc

hiệu đính lại (thế kỷ thứ II tr. G. T.). Tuy vậy tình cách xác thực của phần cổ văn này rất là khả-nghi, và hình như mãi đến thế kỷ thứ IV sau G. T. thì phần cổ văn này mới thành hình.

Vì vậy mà bộ Kinh Thư cần phải phê phán kỹ lưỡng trong lúc nghiên cứu. Nhất là về vấn đề niên đại, thế hệ.

Ngoài Ngũ-Kinh, tứ thư ra, sách chư tử, bách gia hiện còn lưu truyền cũng có thể cung cấp cho chúng ta một ít sử liệu « xái nhì xái ba »... Số là về thời kỳ Xuân-Thu chiến quốc trong một xã hội bảo-thủ như nước Tàu, bao nhiêu kỷ-ức về vương triều ngày trước, nhất là trong miếu đường con cháu các vua triều Ân, (hiện đã đùng xuống địa vị một nước chư hầu) — hẳn cũng chưa hoàn toàn mất hết. Nếu đem bấy nhiêu tài liệu ra mà phân tích, so sánh, phán-đoán, và xếp đặt theo hệ thống tưởng cũng có thể bổ ích nhiều cho sự tổng quát về phương diện xã-hội sử.

Một sử liệu quý nữa là bộ văn Trúc giản (chép trên những thẻ bằng tre) vào thế kỷ thứ IV trước G. T. và đào được ở trong một ngôi mộ cổ vào khoảng năm 271 tr. G. T. đầu đời nhà Tần. Lúc phát xuất tập Trúc giản này, người ta nói có đến « vài mươi xe ». Nhưng một phần thẻ tre đó đã đem dùng làm đũa để đi tìm đồ cổ trong mộ. Về sau lại mất mát thêm thành ra ngày nay chỉ còn lại một bộ Mục-thiên tử truyện và bộ sách tàn chép lại, mà ta quen gọi là Trúc thư kỷ niên. Bộ Trúc thư kỷ niên lại còn một chỗ khuyết-hám lớn nữa là bấy nhiêu trúc giản còn lại đã từ khá lâu trong một nhà bảo tàng và lúc đưa ra thì không mấy ai đọc được cái lối chữ viết ở trên tre. Vì vậy mà trong lúc kê cứu, diễn giải, có nhiều chỗ khiên-cưỡng. — Tuy vậy bộ Trúc thư kỷ niên có thể bổ khuyết về vấn đề niên-đại, Nên đem mà so-sánh với cách kỷ niên của Tư Mã-Thiên (145 86 tr. G. T.) và Ban Cố, đời tiền Hán, hai nhà sử này đều chưa hề vận dụng tài liệu trong Trúc thư kỷ-niên.

Về mặt thư-tịch, kể ra không có mấy, và cũng không có thể hoàn toàn đáng tin. Tuy vậy nếu như ta không có thể hoàn toàn tin vào đấy, ta cũng không có thể nói bấy nhiêu sử liệu hoàn toàn là đồ giả-mạo. Nếu có một bản giả, trước hết phải có một bản thiệt đã chứ? Hoài nghi chủ nghĩ, chỉ là một cái gổi êm ả để dựa đầu vào mà nghĩ ngợi chứ không phải để kê vào mà ngủ thẳng. Hoài nghi chỉ là một thái độ chờ đợi, để mà tìm chân lý. Nếu không thì chẳng có nghĩa lý, hiệu quả gì. Khối óc hoài-nghi tuyệt-đối chỉ là một mảnh đất hoang.

Các nhà sử Tàu từ đời Hán cho đến nay, vẫn ra công sưu-tầm và phê-sử liệu. Ngày nay không những là người Tàu chịu khó học mà thôi, các nhà sử các nước cũng nhiều nhà chú ý đến vấn đề sử liệu Trung quốc. Riêng về phương diện phê phán

ngoài những bài phê bình gián tiếp của các nhà sử Trung quốc và ngoại quốc, ta nên tham-khảo theo những tác phẩm của các nhà phê-bình chuyên môn. Chúng tôi đã có dịp nhắc đến tác phẩm những nhà có tên tuổi như là Hồ Thích, Từ-trọng-Thư, Dư-vinh Lương, Chương thái Viêm v. v.. Còn nên đọc thêm những chuyên-phẩm phê bình của Bernhard Karlgren bàn về cổ văn Tàu) bản « Cổ-Kim ngụy thư khảo » của Diêu tế Hằng (đầu đời Mãn Thanh) và bộ « Trùng Khảo cổ kim Ngụy thư khảo » của Cố-Thực (1924).

Về mặt văn tự hiện nay, mấy bài minh văn khắc vào vạc đồng các nước chư-hầu ngày trước, và trên các đồng tiền đời Ân cũng là một nguồn sử-liệu quý hóa cho chúng ta về xã-hội và kinh tế đời Ân.

Nhưng sự phát kiến rất may mắn cho nhà cổ học thì chính là cuộc phát kiến văn tự giáp cốt (những mảnh vỏ rùa trên có khắc chữ ngày trước,

Vào khoảng năm 1899, về đời Mãn Thanh, ở tỉnh Hà-nam, huyện An-duyang, làng Tiều-đồn (một đô thành cũ của nhà Ân) người ta tìm được vô số mảnh vỏ rùa và xương loài vật trên đó có một lối chữ rất cổ. Lối văn tự này ngày nay người ta đã biết rằng là lối chữ viết ở Tàu cách đây vào khoảng ba bốn nghìn năm trước.

Sau lúc phát hiện, văn tự giáp cốt đã được những nhà nghiên cứu gia-tâm khảo sát. La chấn-Ngọc là người đầu tiên đã nhận rõ cái « sử mệnh trọng yếu của những mảnh giáp cốt vừa đào được, và đã khảo cứu rất tường tận. Quách-mạt-Nhược đã viết trong bộ Trung quốc xã-hội nghiên cứu «...Sau lúc đã tìm ra giáp cốt văn tự, thời bao nhiêu cơ thể và ý thức của các xã hội cổ trong kinh thư, kinh thi và kinh dịch mới thấy có ngọn nguồn rành mạch. Những đoạn văn-chương mà người sau bỏ về vào đã có thể dễ dàng mà nhận thấy,... chẳng khác gì, chúng ta đã quét sạch mây mù mà thấy giới xanh...»

Số là căn cứ vào đấy ta có thể tìm ra ít nhiều tia sáng về văn hóa đời Ân. Thường ; phong tục của dân, tín ngưỡng, thế hệ của vua, tên các nước, các thị-tộc, tự, lễ chế, tín ngưỡng và kinh-tế của xã-hội. Ga những bản sách nghiên cứu xưa bản về cổ khí, về giáp-cốt văn-tự rất nhiều. Máy công phu hơn hết là « Thiết-văn-tàng quy ; - Thi văn-tàng quy chi đ - Ân Thương trình văn tự Khảo, - Ân-khur văn-tự loại biên và ha Ân-khur thư-khế tiền biên và hậu-biên » của chấn-Ngọc.

Đ. T. M.

... nhà lâu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

ĐẸP một phút mà thôi. Phương Anh, hôm qua trông em đẹp quá. Hôm nay đẹp ấy đã chỉ để lại chút nhỏ nhưng, một bóng. Một phút đẹp, một phút hạnh phúc. Anh muốn thời gian không đi nữa, tạo hóa không sẽ dịch nữa, anh không bước chân đi. Chìm không kêu, gió thời gian đẹp lặng. Để cho anh ngắm em. Để cho trăng

lên, mang hai chúng ta ra một đồng cỏ xanh; để ta nằm bên cạnh suối, để ta vớt nước với trăng, để ta quên đi hết cả trong say sưa, lúc tỉnh giấc thấy mình ở Tiên Động, nơi mà giới xanh không phai, hoa nhím không rụng, đàn ca không biết khóc than, gió xuân thổi không ngừng.

Anh sợ thời gian quá. Thời gian vẫn có thói làm thình với những yêu sách phiền nhiễu của ta, thời gian đi trên sông núi, nâng cỏ mọc, lia hoa rơi. Hạnh phúc một phút, vui cười một phút, nhìn nhau say đắm được bao lâu. Thời-Gian đi với chiếc hải bầy dậm.

Phút này lặng thình, em! Đừng làm động bầu không khí, đừng thở mạnh, đừng cười rộn rã. Để cho những yêu đương tinh vi, những yêu đương tế nhị, những cánh hoa bằng sương lỏng lánh muốn vẽ hình và màu sắc, để cho Đẹp khỏi tan, Hạnh-Phúc khỏi như đàn chim én cất nhẹ cánh bay đi tản mát bốn phương giới.

Chân giới sáng. Mây phơn phớt xanh, mây trắng lặng tư tưởng. Những thân cây xanh dễ, óng ả, yên lặng vẽ hình trên nền trời. Xa xa bụi tre cổ điển màu sẫm. Trước cửa sổ, cây lá ngò ai lay động.

Qua cửa bên, màu lá bàng xanh xen lẫn với màu đỏ tươi của hoa. Ngày hôm nay ngày đẹp trời, ngày thanh niên, thời oanh liệt. Tiếng ve kêu như một điệu đàn mơ hồ. Ánh nắng chiều, sau một trận mưa, trong trẻo, sao ấm áp, như mang màu hy vọng.

Cỏ non xanh bên cửa, một con chim chích chòe nháy nhót lanh nhẹ trên mái nhà. Khói lả lả tỏa lan trên cành cây, trong lá cây, thông thả, tịch mịch, nhẹ nhàng,

Chân giới: mây mờ dần, tan vào trong một bằng phẳng mơ hồ, tựa như một bãi biển hoang

NHỚ

TÙY HỨNG

của ĐÌNH GIA TRINH

đường. Bến Tầm Dương ngàn liễu, mây Tần, phù dung nở bên sông, tiếng địch thổi đồng vọng làm rầu người chinh phụ.

Mặt giới đã xuống thấp, ánh chiều soi chềch vào trong phòng, tôi gần chỗ tôi ngồi. Những chim của chiều nói chuyện với nhau trong cành lá, như vội vàng, như lo ngại. Một cánh hoa rơi, tường vàng vàng thêm, mây bằng lăng, cả linh hồn tạo vật như chậm chậm thấm vào linh hồn người ngắm cảnh.

Sắc giới hôm nay thanh, không khi nhẹ. Trong râm trông ra nắng sao êm êm, Rì rào nhỏ trên cành, gió trong trẻo một buổi sáng đầu thu. Lá bàng còn xanh, tuy trong những gân nhỏ đã có vết của sắc vàng ngày mai. Xoan sau khi phớt sắc thắm với những ngày hạ nay đem những làn lá trẻ trung hứng đón gió có được hơi thơ. Xanh rung rinh, trong trẻo rung động. Tường vi còn lác đác vài bông bên tường cũ và antigone nhớ tuổi, nhớ ngày đã lại tô điểm các mái nhà và các cửa sổ.

Thơ cũng nhẹ nhàng, tạo hóa hôm nay như tế nhị, tinh vi hơn mọi ngày, Cỏ cây như vui mà sống, tựa như trong xuân. Không, không phải thu ử rũ, cái thu sương gió, thu hơi chân trên lửa của Anatole France! Không phải thu sào sạc tiếng dĩ vãng với lá khô phủ lấp những đường xưa xanh tươi. Thu trong sáng, thu có vương linh hồn của xuân. Xuân này nở tung bừng, tha thiết sống và bôngbột. Cắn vào trái đầy nhựa, ôm lấy hoa sán lạn, đắm tâm hồn trong hương, trong sắc. Xuân lạc quan, trên đồng hoa hẹn hò với gió và với lòng người. Turny bừng, nảy nở, vồ vập, đón chào. Thu khiêm tốn và điềm đạm, có giáng điệu của khuê nữ trong rèm the. Xuân, cô gái riềm rùa phở áo và nụ cười. Thu, giai nhân động đăm đuối trong một khóe nhìn lặng lẽ.

Đừng nói đến thu ử rũ, gió heo reo điệu buồn. Không phải thu nước Anh hoặc thu của Trung-Hoa, thu Việt Nam, thu của tháng tám đón Hằng-Ngà và những đêm trong và nhẹ. Mùa triết lý: trong một nghiêng lả, trong mỗi buổi chiều sương mờ hơn trước, trong hơi gió, ta thấy như có vương tiếc thương vô hạn và mùi hương say sưa của những giờ tình ái.

Rì rào của lá như ở trong tôi, mách bảo những cái gì khó hiểu, khiến hồn tôi như xanh màu xanh của cây cỏ. Gió không mang hương thơm, nhưng đựng ý thức của hương thơm làm ngất cả một bầu trời mộng.

Tiếng đàn đầu rẻo rất xa? Tiếng rồn rập tha thiết như lời của dục vọng, tiếng ngân dài như trang nghiêm dãi tỏ, oán hờn. Tiếng lên cao ngất trong trong vắt, như cầu nguyện, như một tấm lòng thiếu nữ mười tám tuổi say đắm trong yêu đương; tiếng trầm như đen, như xám, tựa một ngày sầu mưa gió ngoài song.

Đàn ai như chút cả linh hồn cho đêm? Nhạc sĩ là ai mà trong bóng tối đã làm rung những giây huyền diệu? Tiếng đàn dần nhỏ, rồi bỗng vút cao, rồi như kẻ lẽ muôn nỗi vương của một cõi lòng không yên lặng. Như nhủ thầm, như ca hát, như tiên nữ hái hoa, như khuê phụ tựa cửa buồn, như một nỗi ghen ngào, như «thiên cổ hận».

Nhạc sĩ là ai vậy. Đêm lạnh đã khuya, mọi người đều ngủ cả. Cậu học sinh làm xong bài vở đã nằm gọn trong chăn ấm, người đàn bà đảm cũng đã rời tay khâu, nhà học giả cũng đã biệt cái thế giới nhân tạo của họ, mà nhạc sĩ còn bấm tay đưa đầu trên phím đàn, làm khua động những nỗi buồn vô căn cứ ở tất cả lòng người. Người thợ ngày làm ăn mỗi mệt, tối về nằm trên chiếc giường tre cạnh ngọn đèn mờ, tiếng đàn mang lại cho anh mát mẻ của một cuộc đời êm ái mà anh không sao đạt tới. Kể giảng hồ nơi đất khách cảm thấm thía cái buồn cô đơn mà họ đã quên trong rộn rã hàng ngày. Chàng thanh niên kia trông thấy trong sương sáng của dĩ vãng những mắt nhung và nụ cười, nghe những hẹn hò xưa thỏ thẻ dưới ánh giăng.

Nhạc sĩ vô danh hỡi! Có tôi nghe anh trong đêm nay. Tôi trông qua cửa sổ, tìm anh ở một cửa sổ gần quanh. Tựa như ánh đêm nay sống mãnh liệt, hòa tâm hồn anh với linh hồn của cây đàn violon. Trong lòng anh có gì thắc mắc vậy? Bài Symphonie này tôi đã nghe năm xưa, trong một gian phòng nhỏ. Cũng bài ấy đêm nay sao mệnh mông, rộng rãi quá, sao như chứa cả một vũ trụ tinh.

Vẫn tiếng đàn xưa, nỗi hai quãng đời của tôi. Bao nhiêu xuân qua, bao nhiêu ngày tháng, bao nhiêu nhăm lẩn và đại đột. Tiếng đàn này như nhắc lại quê hương của mẹ con đường êm đã lâu nay gai góc bao chông.

Chiều xuống chậm. Dế run kêu se se bên cửa sổ. Phòng chật hẹp. Ôi những phương trời xa,

những vẫy vùng rộng rãi, những bão táp, những lãng mạn của Shakespeare. Cây bút này muốn vung mạnh như một thanh kiếm, vẽ núi non, vẽ mây gió, vẽ những thần thánh hò hét trên trời sấm chớp.

Buồn, buồn quá. Văn chương làm mỗi mệt, suy nghĩ làm mỗi mệt. Tôi tìm cái yên tĩnh của Nát-Bàn, Hư Vô, Hư Vô, ngơ ngác ở đâu? Cho ta gửi tâm hồn, cho nó tiêu tan, vì bao năm trải tìm này đã quá rộn rã, đã quá tha thiết, ước mong hoài bão. Ngày nay thế như một giấc mộng điên rồ đã qua. Một buổi sáng giăng, khỏe mắt bên khe cửa, mưa gió lạnh, và tất cả vũ trụ trong một đợi chờ.

Tất cả hương thơm của bao nhiêu năm niên thiếu, mơ mộng trên hè đường. Ánh nắng cười trong lá cây, đã hương xanh mơn mơn, cỏ xanh, con đường xinh xinh. Hoa sấu, hoa soan, hoa gạo; khóc, buồn, hi vọng, tin yêu, và Phương-Anh hẹn hứa một tình vĩnh viễn. Sông chảy đá mòn, hôm nay lũ khách cô độc một mình ngồi trên mỏm đá ngắm giòng suối chảy hòng tìm thấy bóng Tiên Nga. Trên bờ cỏ này tôi cùng Phương-Anh dắt tay nhau cùng đi, yên lặng trong cảm động, trông thấy đào nở, mặc dầu không có hoa đào. Trên bờ cỏ này tôi đã tìm thấy vũ trụ trong đôi mắt nàng, đựng say đắm của muôn phương và muôn thuở. Cối Bồng-Lai đã ở bên bờ suối này. Hôm nay sương lam phủ mặt nước, chìm vô cánh tôi những chân trời xa, cánh hoa đã rụng bên bờ. Hồn Tiên Nga chỉ còn rớt lại trên cành liễu.

ĐINH GIA TRINH
Juin — Novembre 1942

SÁCH MỚI

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

của NGUYỄN ĐÌNH THỊ

Một triết học tràn đầy nhựa sống. Một luồng mới nhìn vào tương lai loài người. Một triết lý của nghệ thuật. Những phương pháp làm cứng cốt đã làm đảo lộn luân lý Âu châu.

Sách dày 208 trang. Giá: 1\$

ĐÃ PHÁT HÀNH

TRIẾT HỌC KANT

Sách dày 156 trang. Giá: 1\$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

49, Rue du Takou, Hanoi

CHIM YÊN DANH VĂN NGOẠI QUỐC

Katherine Mansfield

PHẠM CHÍ LƯƠNG

CHỊ có nhìn thấy cái đỉnh to bên phải cửa vào không? Cho đến bây giờ, em cũng chẳng giám nhìn hẳn loai đầu, vậy mà em không có can đảm nhỏ đi. Chết rồi, em vẫn ước cái đỉnh còn đấy mãi. Có lần em nghe người hàng xóm nói: «chắc hẳn có cái lồng treo gì đây». Em được hỏi dạ liền; em cảm thấy nó chưa bị quên hẳn... Chị không tưởng tượng trước khi nó là danh ca đến bậc nào. Tiếng hát không lẫn với tiếng yến khác. Không phải một ảo tưởng đâu; nhiều khi, nhìn qua cửa sổ, em thấy người ta đứng chân bên lối vào vườn, nghe nó, hoặc cúi đầu trên đậu, gần khóm seringa và đứng đó hồi lâu, tâm hồn bay bổng. Chị cho như thế là vô lý phải không? Nhưng nếu nghe qua rồi, chị sẽ biết. Hình như nó hát thành điệu hẳn hoi, những khúc âm nhạc thực đấy.

Thí dụ, buổi chiều, việc nhà song xuôi và áo khoác ngoài đã thay, em đem rô khâu ra hiên; thế là nó nhảy nhẩy từ cảnh đậu này sang cảnh khác, mồm khê vào nan lồng để chú ý, hóp tí nước tựa một đào hát nhà nghề. Khổ quá em chịu không tả nổi vẻ đẹp của nó. Chiều nào cũng thế, và em cảm thấy hiểu được hết cung điệu của nó.

...Em quý nó, chao ôi! quý nó biết bao! Yêu thứ này hay thứ khác có nhẽ chẳng cần gì, miễn là phải yêu. Cổ nhiên xưa em vẫn có nết nhà nhỏ và mảnh vườn, nhưng em không hiểu vì lẽ gì những thứ đó không bao giờ đủ. Phải có thể yêu hoa, hoa dễ thương lắm, nhưng hoa không biết trao trả. Vậy nên em yêu sao hóm. Có khó hiểu không, hỡi chị? Mặt trời lặn, em ra vườn sau nhà, đợi nắng lấp lánh trên ngọn đỉnh hương. Em nói: «kia sao thân yêu đó à», Ngay đấy sao hóm như... riêng cho mình em. Tưởng hiểu... tình cảm... em như một ham muốn. Phải chăng một nỗi gì thế? Có nhẽ đúng đấy. Nhưng có tiếc gì cơ chứ? Em có bao nhiêu lẽ nhớ ơn.

Chuyện ngắn dưới đây, bản lược dịch đã phá vỡ yên văn chữ Anh ít nhiều, không phải là một truyện có đầu đuôi, có xếp đặt. Nghệ thuật do các tác giả diễn sâu sắc lòng thương mến âm thường giữa một tâm hồn phụ nữ và một con yến. Chúng ta thấy những chi tiết mỏng manh được phân tích dễ dàng, tự nhiên, rất thành-thực. Còn in trong chúng ta bóng giáng nhà nghệ sĩ, tinh linh lễ nghi, phẫn phẫn nữa với những mong mỗi riêng, người hưởng nhất là đàn ông ít có và không biết rõ: đó là duyên sắc Katherine Mansfield, nhà nữ danh văn Anh, hồi cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20.

Tác phẩm của bà đã dịch ra nhiều thứ tiếng, như *Félicité, la Garden-Party et autres histoires, Pensées, Le nid de colombes* và những tập khác. Bà giữ đến phút cuối cùng đưa độc giả vào một kho tình cảm, soi tỏ cuộc sống bên trong của toàn thể phụ nữ, từ con trẻ đến người lớn. Những nhân vật do bà bịa ra nên gồm cả một xã hội có nhiều nhu cầu tâm lý đặc biệt, một triết lý trong sáng, sinh sắc về sự hy sinh và thương yêu đời, nó là chuyện người đàn bà (1).

Chỉ lược qua vài dòng kết luận bài «Chim Yến» heo đây đã thấy ẩn hiện một «nét» nhân nại chưa sót nhưng tha thiết chung cho người ta làm việc cổ yếu đời.

P. C. L.

Nhưng đến khi chim kia lọt vào đời em là em quên sao hôm, không cần nữa. Lúc người Trung Hoa mang chim đến cửa, nâng nó lên trong lồng, chẳng như giống chim sẽ cuống cuống bay lên, nó cất lên vài tiếng nhỏ yếu; lạ lắm, em lại dùng ý những lời hỏi sao hôm lấp lánh trên ngọn đỉnh hương: «kia chim thân yêu đó à». Tự đó, chim thuộc về em.

...Cho đến giờ em vẫn lấy làm lạ khi nghĩ đến đời chúng em khăng khít đến bậc nào. Sáng ra, em ở trên giường xuống ra kéo chăn che lồng là nó đón em bằng một liếng sinh nhỏ còn ngái ngủ lắm. Em hiểu ý nghĩa tiếng ấy? «Cò đây a, cò đây a!». Em liền cheo lồng chim lên đỉnh, ở ngoài kia và sửa quả sáng cho ba người trẻ tuổi trong nhà. Em đợi còn riêng chúng em là mang nhau vào. Bấy giờ bát đĩa dĩa xong, trò giải trí bắt đầu. Em giờ từ nhật trình lên một góc bàn rồi đặt lồng lên; yến của em rũ cánh thất vọng như không hiểu sẽ xảy ra chuyện gì, em mắng nó: «Mày thực là một kẻ bại hoại nhẽ đấy». Em cọ mặt lồng, giải cát lên, đổ nước và hạt vào lồng, gài một ngọn toàn phúc, một quả ớt vào cái nan... Em chắc nó hiểu mỗi trò trong cuộc vui trẻ này. Chị xem, nó còn có

tính sạch sẽ ý nhị lắm. Không một vết bẩn trên cánh. Nếu chị thấy nó vui thích lúc nó gọi lòng chị sẽ rõ nó mê sạch sẽ...

...Một bầu bạn, chị xem, đối với em chim kia có phải một bầu bạn lý tưởng không? Có sống một mình chị mới hiểu là quý chừng nào: đúng ra có ba người trẻ tuổi chiều chiều về ăn và có khi mang báo vào phòng ăn đọc. Nhưng em có được đọc đâu. Em cũng chẳng thể nhờ họ chú ý đến mọi việc nhỏ kết đời hàng ngày của em. Họ làm thế vì lẽ gì chứ? Đối với họ em có nghĩa gì đâu. Một tối kia, em còn bắt gặp họ ở trên thang gác gọi em là «bù nhìn». Căn gì, em chẳng ngại ngùng một chút nào. Em hiểu lắm. Họ trẻ con. Có gì mà giận. Nhưng đêm ấy, em nhớ rằng em đợi ơn trời nhiều lắm về nỗi em có một thân một mình đâu. Ba người đi rồi, em kể chuyện ấy ra cho yến nghe: «Chim có biết chúng gọi cô chủ chim ra sao không?». Chim nghiêng đầu ra ngoài lồng, nhìn em bằng con mắt nhỏ sáng đến nỗi em không nhìn cười được. Hình như nó coi thể ngộ ngĩnh lắm.

...Chị đã nuôi chim chưa. Chưa thì có thể quá đáng. Người ta thường coi chim là giống nhỏ yếu lạnh lùng, không giống chó mèo. Tự thợ

giặt của em, hôm thứ hai đến nhà em, lấy làm lạ sao em không có «con cò sinh». Mụ nói: «Chim yến, cô ạ, không làm vững lòng». Nhăm, không thể nhăm hơn được — Em còn nhớ một đêm nằm mơ dữ quá — thỉnh thoảng có những giấc mơ ác liệt. Tỉnh rồi, em vẫn chưa hoàn hồn. Em khoác áo ngủ xuống bếp lấy cốc nước. Không ngờ gì nữa, có nhẽ em còn nửa tỉnh nửa say: qua cửa sổ nhà bếp không có màn màn, khoảng tối tăm như nhìn em, rình em. Bỗng em cảm thấy mình không chịu nổi tình cảnh không một ai để giải bày rằng «em vừa qua một giấc mơ ghê gớm» hoặc... «che trở cho em, em sợ tối tăm». Em che tay một lát lên đầu. Bỗng có tiếng chớp chớp khê. Lồng chim đặt lên bàn, có bức màn đã rơi xuống: một tia sáng lóe qua khe cửa. Chim nhỏ yếu quý chiếp chiếp như thầm bảo em «cò ạ, có yến đây». Em được yên lòng một cách kỳ diệu đến nỗi nước mắt trào ra.

...Nay chim đã mất rồi. Em chẳng bao giờ có chim hay súc vật khác. Không thể được nữa. Khi em nom thấy con yến của em nằm ngửa ra mắt đục lờ, chân co quắp, khi em biết không bao giờ được nghe tiếng hát của đứa nhỏ yêu quý, em tưởng một chút gì chết trong em. Em cảm thấy lòng em vắng như lồng kia. Rồi ra em sẽ hồi tâm. Bất... phải thế. Theo thời gian, người ta sẽ hát lại. Nhưng ta còn bảo ngoại ra thiên tính em dễ vui. Đuàng đấy và em xin cầu nguyện cho chúa về điều đó.

...Dù sao, chẳng mắc chút bệnh gì, chẳng theo giòng kỷ niệm..., em phải thú thật sống như có một thâm ý âu sầu. Khó nói đúng. Không phải những đau khổ chúng ta đều biết: ốm... chết! Không, nó là một điều

(Xem tiếp trang 25)

(1) Độc giả muốn hiểu rõ Katherine Mansfield hãy đọc bài bình phẩm của Andre Maurois trong sách *Magiciens et logiciens*

ĐÀO DUY ANH

<https://tieulun.hopto.org>

Cần đề ý về điều; « Khi Kim - Trọng trở lại vườn Thúy, có thể có hoa đào và gió đông (tức gió mùa xuân) không? — Khi Kim - Trọng biệt Kiều mà đi Liêu-duong lúc cuối hạ đầu thu cho nên mới có cảnh: « đầu cảnh quỳên nhật, cuối giới nhạn thừa » (1). Được nửa năm ở đất Liêu-duong lại nhà » thì lúc ấy phải là đầu mùa xuân, tức là có cảnh hoa đào cười cợt với gió đông (2). Hai chữ hoa đào ấy không phải là Nguyễn - Du tự ý đặt ra để tô điểm cho phong cảnh chỗ này, mà chính lại là hoa đào ở chỗ Kim - Trọng bắt được thoa, tức là chỗ gặp Thúy-Kiều ở vườn lần đầu tiên (3)

Ta xem thể thì thấy Nguyễn-Du khi đem câu thơ cũ dịch ra đã phải xem nó có hợp với cảnh thực được không. Khi ông dịch câu « tam tinh tại thiên » ra « ba sao giữa trời », mà lại thêm lên trên mấy chữ « đêm thu » và « nửa vầng trăng khuyết », tất ông cũng đã theo một cảnh đêm thu có thể có thực, chứ không phải là chỉ bằng vào tưởng tượng mà ghép càn diễn nọ với cảnh kia. Vậy thì ta có thể bằng vào câu thơ Kiều ấy mà đoán xem cô Kiều bị bắt về tháng ngày giờ nào, và cửa sổ nhà cô xoay về hướng nào.

Ba sao là gì? — Theo lời chú giải của Chu-Hy đời Tống ở dưới bài Tru-mâu kinh Thi (4), thì « ba sao » ở câu « tam tinh tại thiên » là sao Sâm. Sao này còn có tên là sao Đại-hỏa hay là sao Thương. Ông Hoàng xuân Hãn chỉ nó ở chỗ đuôi con vịt, nổi đầu và mình con Vịt (sao Vĩ) và bốn sao đuôi nằm ngay trên (sao Phóng). Tôi xin nói thêm rằng sao ấy tức là chòm Antares ở tinh - tòa Scorpion (theo thiên-văn-học phương Tây). Theo thiên-văn-học Trung-hoa thì tinh-tòa ấy là Thiên-long.

Theo cách gọi tục của người Việt - Nam ở đường ngoài thì là sao *Thần-nông*, mà chòm Antares tức là gáy của ông *Thần-nông* vậy.

Theo thiên-văn-học Trung-quốc ngày nay thì về tiết tiểu-mãn (ngày 21 hay 22 tháng Mai), lúc giờ tý chính 1 khắc 9 phân, nghĩa là 11 giờ đêm 24 phút thì sao *Tâm* ở chính giữa trời (là ở đường tỷ-ngọ đi qua thiên-đỉnh). Ngày lập - thu là đầu mùa thu thì lúc ấy sao *Tâm* vừa mới lặn. Đến cuối tháng bảy âm-lịch, nghĩa là cuối tháng đầu thu người ta có thể thấy sao *Tâm* lặn vào khoảng 10 giờ rưỡi. Vậy thì trong tháng đầu thu người ta có thể thấy sao *Tâm* ở thời gian từ đầu hôm đến nửa đêm, mà càng về phần sau tháng thì càng thấy sớm hơn. Có lẽ vì ông theo Chu - Hy là thuyết phổ thông nhất, ở nước ta học pho-học chỉ là học sách của Chu-Hy — cho nên ông cho Thúy-Kiều bị bắt vào đầu hôm. Ông lại nhắc câu « ngày hai mươi mốt tuất thì phải chăng » mà nói rằng cái giờ tuất có duyên với cô Kiều, vì thế ông nghĩ thì cô Kiều cũng bị bắt vào giờ tuất, tức là chừng lúc 7 giờ rưỡi. Phải cô Kiều đi trốn với Sở-Khanh vào lúc giờ tuất thì có lẽ, vì lầu Ngưng-bích là nơi cô quạnh ở giữa bãi

biển, xung quanh không có làng xóm gì, cho nên vào giờ ấy có thể đi trốn được. Chứ Thúy-Kiều ở Lâm-tri, ở một nhà buôn bán, trong một thành thị phồn hoa, xung quanh tất có nhà cửa phố xá đông đúc, thì lúc giờ tuất, chừng lúc 7 giờ rưỡi, thì dầu cơn đồ hung bạo đến thế nào cũng chưa dám sấn vào nhà mà bắt người. Có lẽ bọn Ưng, Khuyển nhân khi trăng chưa mọc, trời tối, lén vào nấp ở vườn, chờ khi quá nửa đêm phố xá đã yên lặng, người nhà đã đi ngủ, thì chúng mới hạ thủ. Nhưng Thúy Kiều vì nhớ chồng không ngủ được, trong lòng lại sinh lo sợ, bèn ra sân lễ Phật, chúng mới nhân dịp tốt ấy mà đến bắt nàng. Hiểu như thế thì thuận lý hơn. Nhưng nếu cô Kiều bị bắt vào khuya thì ở tháng đầu thu, cô không thể thấy sao *Tâm* được nữa.

Ta đã thấy Huỳnh u Mai cho rằng « ba sao » của Nguyễn-Du không phải là sao *Tâm*, mà là sao *Sâm*. Nhưng ông không nói rõ rằng Chu-Hy giải thích chữ « tam-tinh » trong kinh Thi là sao *T m* có đúng hay không. Theo ý tôi thì, như trên kia đã nói, Nguyễn-Du viết câu thơ « Ba sao giữa trời » quyết là dịch câu « tam tinh tại thiên », nhưng ông không hiểu chữ « tam tinh » là sao *Tâm* theo Chu-Hy mà lại hiểu theo lời truyện của Mao - Hanh nhà Hán (Mao Thi) mà cho « tam tinh » là sao *Sâm* (5).

Trên kia ta đã thấy rằng sao ấy là chòm ba sao sáng ở giữa tinh-tòa Orion, người Tây-phương gọi tục chòm ấy là Ceinture hay là Baudrier d'Orion. Chòm ba sao nhỏ hơn nằm xéo ở dưới người Tây phương gọi là Epée d'Orion, mà thiên - văn - học Trung-quốc thì gọi là sao *Phạt* Gồm hai chòm Sâm và Phạt, người Việt-nam ta thường gọi là sao *Cây*. Tinh-tòa Orion thì gồm cả sáu sao ấy và bốn sao lớn ở xung quanh theo hình bốn cạnh. Các sao ấy đều nằm thiên về phía Nam xích-đạo.

Theo kinh *Lễ*, thiên *Nguyệt-lệnh* thì « tháng mạnh xuân, vào chập tối, sao Sâm đứng giữa trời ». Ta nên nhớ rằng kinh *Lễ* chép ở thời nhà Chu, cách nay hơn hai nghìn năm, sự ghi chép ở sách ấy theo lịch nhà ~~Chu~~ có sai với lịch ngày nay ít nhiều. Theo thiên-văn-học hiện tại của Trung-hoa thì đến ngày đông-chi (ngày 22 hay 23 tháng Décembre) lúc

(1) Cách ít lâu, khi Thúy-Kiều theo Mã-Giám-Sinh về Lâm thì đã là mùa thu hoàn toàn: « Bạc phau cầu giã đào ngàn mây, vì lộ xan xát hơi may, một trời tiểu mãn ».

(2) Câu dưới: « xệp xếp lên liệng lên không » chim én đó lại là chứng của ~~đầu thu~~ nữa.

nhắc thấy một cảnh kim thoa.

(1) *Thi kinh* — Chu-Hy tập truyện — quyển 3, Đường quốc — Tru mán 3 chương.

(1) Lời truyện ấy nói rằng: « Tam tinh tức là sao *Sâm* vậy. Tại thiên là mới thấy mọc ở phương Đông ». Xem Mao-Thu chính-nghĩa quyển 6, trong bộ *Thập tam kinh chú* số, thượng sách, Thê-giới thư-cục ảnh an, Thượng-hải.

tỷ số 3 khắc 5 phân, nghĩa là 11 giờ khuya 50 phút thì sao *Sâm* đứng chính giữa trời, khi bắt đầu mùa thu (tiết lập-thu ngày 8 Aout) thì ở giờ ấy, sao *Sâm* còn ở chừng 120 độ dưới chân trời, đến cuối tháng bay âm-lịch, nghĩa là cuối tháng đầu thu thì hơn 12 giờ đêm sao *Sâm* mới mọc. Trên kia tôi đã nói rằng cô Kiều tất bị bắt về lúc quá nửa đêm. Nếu là đêm cuối thu thì cô thấy sao *Sâm* mới mọc (1).

Đêm thu. — Nguyễn-Du nói rõ cho ta biết rằng đêm hôm Thúc-Kiều bị bắt là đêm mùa thu, ta lại có thể biết thêm rằng đó là một đêm hạ tuần tháng đầu thu. Khi Thúc-sinh từ già Hoãn thư về trở lại Lâm-tri là lúc «giếng vàng đã rụng một vài lá ngô» tức là mới bắt đầu thu, là đầu tháng 7 âm-lịch. Thúc-sinh sửa soạn mất vài ba ngày rồi về Lâm-tri (phải đi đường một tháng: Lâm-tri đường bộ tháng chầy).

Sau khi Thúc-sinh đi thi Hoạn - thư bàn bạc với mẹ rồi sai bọn Ung Khuyển đi bắt Thúc-Kiều, các việc dự bị ấy mất độ 4, 5 ngày. Bọn Ung Khuyển đi đường biên mất nửa tháng (mà đường hải đạo sang ngay thì gần: — Theo Kim-Vân-Kiều-truyện của Thanh-Tâm tài-nhân thì từ khi chúng ra đi đến khi hạ thủ chừng hết nửa tháng). Nếu ta lấy tiết lập - thu là đầu tháng bảy (có năm trước, có năm sau), thì ta có thể đoán rằng Thúc-Kiều bị bọn côn-quang bắt vào khoảng hạ tuần tháng bảy.

Nửa vành trăng khuyết. — Nửa vành trăng khuyết có thể là trăng trước ngày thượng huyền hay sau ngày hạ huyền. Nếu «ba sao» là sao *Sâm* thì những đêm đầu thu, từ khuya về sáng, người ta phải thấy nó từ phương Đông dần dần lên chính giữa trời. Vầng trăng khuyết cùng thấy với sao *Sâm* lúc ấy phải là trăng sau ngày hạ huyền là ngày 23 hay 24 tháng bảy âm-lịch. Ngày 23 tháng bảy năm nay (năm khác có sai, hoặc sớm hoặc muộn hơn chút ít), trăng lên vào khoảng sau 12 giờ rưỡi khuya. Ngồi trong cửa sổ nhìn ra mà thấy trăng sao cho rõ thì ít ra cũng là khi nó đã lên quá chân trời chừng 15 độ trở lên. Đến lúc 1 giờ rưỡi khuya là thấy rõ mặt trăng thì sao *Sâm* lên còn thấp chưa thấy rõ được. Cho được thấy rõ cả ba sao *Sâm* khuya thì phải là từ ngày 2^o tháng bảy trở đi, trăng càng về cuối tháng càng phải về sáng và thấy, mà vành trăng càng ngày càng nhỏ.

Thêm. — Ta đã biết rằng «ba sao» tức là sao *Đam*, là sao sáng đẹp người ta có thể thấy rõ về mùa thu và mùa đông. Nguyễn-Du lại cho ta biết rằng khi Thúc-Kiều nhìn ra mà thấy ba

(1) Tôi vốn không biết gì về thiên-văn-học cho nên không thể tính tính-độ một cách nghiêm mật được, Tôi chỉ nhờ ông Nguyễn-Thúc Hào, giáo-sư trường Khải-định, bày cho cách xem bản-đồ tinh-tử, và chỉ bằng vào những điều thường thức mà tính phỏng chừng. Nếu có chỗ sai lầm, xin các nhà cao-minh tha thứ và chỉ giáo cho.

sao ấy là về mùa thu. Ta lại có thể bằng cứ vào sự tính hồi ấy và suy bấy giờ là hạ tuần tháng bảy, đầu thu. Vậy ta có thể đoán rằng cái lúc cô Kiều bị bắt là lúc 1 giờ rưỡi sáng vào đêm 24 tháng bảy âm-lịch; vì sang ngày 25 thì trăng lại đến 2 giờ rưỡi mới thấy rõ được, lúc ấy sợ khuya quá. Vì sao *Sâm* lúc ấy ở vào khoảng trời phía Đông thiên về Nam nên cửa sổ nhà cô Kiều phải xoay về hướng Đông hay hướng Đông-Nam. Còn cô Kiều bị bắt vào năm nào thì tôi tưởng khó lòng đoán được, vì câu «nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời» chỉ cho ta biết rằng cô Kiều bấy giờ thấy trăng sao ở trên trời, chứ không nói rõ rằng sao ở trên hay ở dưới trăng. Còn như cái ý kiến của một số người cho rằng câu «nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời» là hình dung chữ tâm — tên của Thúc-sinh — để tả tình nhớ Thúc-sinh thì chẳng qua là câu chuyện xuyên tạc cho vui, chứ nhà thi-hào Nguyễn-Du hẳn không nghĩ đến điều vụn vặt như thế.

Tóm lại, ý kiến ông Hoàng xuân Hãn với ông Huỳnh u Mai cùng tôi chỉ khác nhau là một đằng cho Thúc-Kiều bị bắt vào lúc chập tối, nên cho rằng cô thấy sao *tâm*, hợp với lời chú giải chữ «tam tinh» của Tống-nho (Chu-Hy), một đằng thì cho cô bị bắt lúc quá nửa đêm nên cho rằng cô thấy sao *Sâm*, hợp với lời chú giải «tam tinh» của Hán-nho (Mao Hanh).

ĐÀO DUY ANH

Phụ thêm về nhị thập bát tú. — Ở đời thượng cổ, người Trung-Quốc, cũng như người phương Tây, thường quan sát ba vị tinh tử thấy rõ nhất là sao *Đà-Hoa* hay sao *Tâm*, sao *Phật* hay sao *Sâm*, và sao *Bắc-Cực* để xét định thời tiết, gọi là phép *tam-thần*. Đến sau ở Trung-Quốc lại có chép nhị thập bát tú, thời phép xét định thì tiết được kỹ hơn. Nguyên phép này có tự Ấn-Độ, rồi truyền vào Trung-Quốc do dân tộc đời Chu, rồi trải qua mấy lần chỉnh bị lại mà thành phép thường dùng. Nguyên lý của phép ấy là do sự quan sát những ngôi sao lớn về buổi hôm và buổi mai để xét vị trí của mặt trời và nhận vị trí ấy mà xét định thời tiết. Song muốn xét vị trí của mặt trời người ta lại theo cách gián tiếp là xét vị trí của mặt trăng mà chiêm chước. Người ta đem cái vòng chu thiên ở gần hoàng-đạo (quỹ đạo của mặt trời) và bạch-đạo (quỹ đạo của mặt trăng) mà theo sự vận động của mặt trăng, chia ra 28 phần so le nhau (mặt trăng quay quanh trời một vòng là hơn 27 ngày), lấy 28 chòm sao sáng ở làm tiêu chuẩn, gọi là *nhị thập bát tú*. Người ta lại xét sự vận động của mặt trăng từ khi có trăng non (mùng ba tháng âm lịch), rồi tính lui lại hai ngày là chỗ mặt trời mặt trăng giao nhau (hợp sóc), như thế mà biết được vị trí của mặt trời. Biết được vị trí của mặt trời lúc nào ở

vào cung của chòm sao nào thì có thể do đó mà tính được thì tiết trong một năm (1).

Nhị thập bát tú chia làm bốn bộ ở về bốn phương mỗi bộ gồm có bảy chòm sao :

Phương Đông, gọi là Thương-Long gồm các sao : Giốc (Epi), Cang, Đê, Phòng (Scorpion), Tâm (Antares), Vũ (Scorpion), Cơ (Sagittaire);

Phương Bắc, gọi là Huyền-Vũ, gồm các sao : Đầu (Sagittaire), Ngưu (Capricorne) Nữ, Hư, Ngự (Pégase, Thát (Pégase), Bích (Andromède);

Phương Tây, gọi là Bạch-Hồ, gồm các sao : Khuê (Andromède), Lâu (Bélier), Vy, Mão (Pléiade), Tất (Aldébaran), Chủy (Tau eau), Sâm (O ion);

Phương Nam, gọi là Châu-Điền, gồm các sao : Tinh (Gémeaux), Quĩ, Liễu, Tinh (Hydre), Trương (Machine pneumatique), Dực (Coupe), Chần (Corbeau). (Những tên tây là tên các tinh tòa tương tự, chứ không phải là những tinh tòa đúng hẳn với các sao trong nhị thập bát tú).

Trên kia ta đã thấy khi sao Sâm đứng giữa trời là vào khoảng giờ Tuất sơ 1 khắc 9 phần ngày đông-chi, sao Tâm đứng giữa trời là vào khoảng giờ tý sơ 2 khắc 13 phần ngày tiểu-mãn. Người ta biết như thế được là bởi có thể tính được lúc mặt trời đi vào cung sao nào.

Trong các sách lịch tàu và lịch ta, mỗi ngày có kèm theo một tên sao trong nhị thập bát tú, cũng như các ngày trong lịch tây có kèm theo một tên Thánh. Nhà chiêm-tinh-thuật cho rằng mỗi vì sao ấy là một vị thần, mỗi vị có một tính chất riêng hoặc lành, hoặc dữ, rồi cho mỗi vị chủ trì một ngày, cứ hết lượt lại bắt đầu trở lại. Song sao thì có 28 vị, mà ngày trong một tháng thì có đến 29 hay 30 ngày, cho nên rốt cuộc những sao ghép vào ngày đó là chỉ dùng để xem ngày tốt xấu, chứ không có quan hệ gì về thiên văn và lịch pháp cả.

Trong nhị thập bát tú, hai vị sao được người ta đề ý xưa nhất là sao **Thương** (hay **Tâm**) và sao **Sâm**. Xem bản đồ thiên-văn thì ta sẽ thấy hai sao đều thiên về phía Nam xích-đạo, nhưng cách nhau gần 180 độ, cho nên hễ sao Thương mọc thì sao Sâm đã lặn, mà sao Sâm mọc thì sao Thương đã lặn. Hai sao ấy không khi nào cùng thấy ở trên trời, cho nên người ta thường dùng chữ **Sâm Thương** để tỷ dụ tình trạng chia rẽ, xa cách không thể gặp nhau

ĐÀO DUY ANH

(1) Theo sách *Trung-Quốc thượng cổ thiên-văn*, của Tân-Thành Tân-Tàng, Thượng-Vụ Ấn-thư-quán, Thượng-Hải, 1935.

MỚI CÓ BÀN:

TẬP KIỀU

Của Từ Poanh
Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của
Nguyễn đức Nùng. Giá : 1\$00

BỆNH THỜI ĐẠI

Của Phạm ngọc Khôi
Thứ bệnh tinh thần mà bệnh nhân là mấy
lớp thanh niên đất Việt, trong gần nửa thế kỷ
này.

(Loại « Đạo làm người »); Giá : 0\$55

GẦN HẾT:

BÀ QUẬN MỸ

IN GẦN XONG:

RĂNG ĐEN

Của Chu Thận
Tiểu thuyết của cô Anh Thơ

THANH LỊCH

Cuốn sách xã-giao cho phụ nữ của bà Văn Đài
CÁC BẠN YÊU THƠ HÃY GẮNG ĐOI:

« THU »

Thơ của Đỗ cầm Văn
« Thu » là cả một bản đàn tha thiết, âm điệu
tần kỳ.

« Thu » tập thơ có những màu sắc hoàn toàn
Việt-nam.

« Thu » in ra 50 bản quý, và 1000 bản
thường.

Bản thường . 2\$50 Bản quý: 8\$00

HƯƠNG XUÂN

Những vần thơ hay của mấy nữ thi sĩ có
danh : VănĐài, HằngPhương, Anh Thơ
tuyệt.

Nhà xuất bản

Dương 206 bis



NGUYỄN DU

số 11, Hanoi

MỸ TỬ PHÁP TRONG VĂN
CHƯƠNG PHÁP VÀ VIỆT-NAM
VŨ BỘI LIÊU

CÁCH TỈ LỆ VĂN CHỦ'O'

TRONG ngôn ngữ, văn chương Pháp và Việt nam, đều thấy hay dùng cách tỉ lệ. Sự gặp gỡ đó kể không có gì là lạ: dân tộc nào cũng vậy, khi cần hình dung một vật gì, hay muốn miêu tả một ý gì cho sắc đáng, đều cảm thấy tự cần phải đem vật này ví với vật khác, việc nọ ví với việc kia, để cho rõ ý mình muốn nói. Nhà văn Pháp Fénelon lấy dòng nước chảy để tả sự nhanh chóng của thời gian cũng như thi sĩ Trung-hoa cho bóng bạch câu qua cửa sổ là hình ảnh của đời người ngắn ngủi (*nhân sinh nhất thế gian như bạch câu quá khích*).

Các nhà văn Pháp-từ Malherbe đến Victor Hugo trong lúc ví người đàn bà đẹp như bông hồng buổi sớm còn hơn hờ vui cười với gió xuân, chiều đến đã hương tàn nhị rữa, cánh toi bởi tả toi trước gió, đã gặp cụ Mạc Đĩnh Chi, vì trong bài điệu văn khóc công chúa Trung-hoa, cụ cũng ví người xấu số như một đám mây trên trời xanh bỗng dưng tan tác, một bông hoa trong vườn Thượng uyển bị mưa gió rã rời. Thi sĩ Trung-hoa ngán cho nỗi « má hồng mà phận bạc » đã viết nên hai câu thơ tuyệt diệu :

Mỹ nhân tự cổ như danh tướng

Bất hủ nhân gian kiến bạch đầu

(người đàn bà đẹp từ xưa đến nay cũng như một vị tướng tài, không muốn cho nhân gian thấy mình đầu bạc bao giờ).

Hai câu sau này của một thi sĩ Việt-nam tả được sức mạnh ghê gớm của sắc đẹp người đàn bà :

Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

lời mưa không khoá, khôn, siêng sich, thế mà giữ được khách; sắc đẹp không có sóng gió mà dễ làm chìm đắm người ta).

Dưới đây là ít câu dùng cách tỉ lệ thông thường của người Pháp, đem đối chiếu với những câu tương tự của ta. Ta nhận thấy người Pháp nhiều khi dùng những câu ví rất bất ngờ, đem so sánh với nhau những vật mà ta tưởng như không có chút liên lạc gì với nhau. Đó là do quan niệm riêng của mỗi dân tộc về sự vật. Nên có nhiều câu ví của ta nếu đem dịch ra tiếng Pháp thì người Pháp không hiểu gì hết, cũng như nhiều câu tiếng Pháp dịch ra tiếng ta sẽ hóa ra ngớ ngẩn một cách nực cười :

Người Pháp nói	Ta nói
Quý ai như đồng tử con mắt của mình (Tenir à quelqu'un comme à la prunelle de ses yeux)	Quý ai như vàng Nưng như ngưng trứng, hững như hững hoa.
Buồn như một cái mũ đội đêm, như cửa một cái ngục thất (Triste comme un bonnet de nuit, comme une porte de prison).	Buồn như châu cấn.
Vui như một con chim thước (gai comme un pinson)	Vui như tết
Sạch như một đồng su mới (propre comme un sou neuf)	Sạch như lau, như chùi.
Bần như một cái lược (sale comme un peigne)	Bần như lợn, như ma
Xấu như một con sâu róm, như một cái tội ác, như một con rận (laid comme une chenille, comme un péché, comme un pou)	Xấu như ma, như quỷ
Khóc sụt sướt như một con bê, như một cái máy nước (pleurer comme un veau, comme une fontaine).	Khóc như mưa, như gió
Đầu hói như cái đầu gối (chauve comme un genou)	Đầu chọc lốc bình vôi
Ngu như một con ngỗng như một cái thùng, như một cái vại (bête comme une oie, comme un panier, comme une cruche)	Ngu như bò, như lợn
Điếc như một cái lọ, như một cái cốc, như một con chim rē (sourd comme un pot, une pioche, une bécasse)	?
Câm như một con cá chép (muet comme une carpe)	Câm như hến

Ê TRONG NGÔN NGỮ NG PHÁP VÀ VIỆT-NAM

Người tốt như là bánh tây (bon comme le pain)	?
Gầy như một cái đinh (maigre comme un clou)	Gầy như que củi
Mặt rỗ như cái rây lọc bột (figure grêlée comme une passoire)	Mặt rỗ như tờ ong bầu
Ngủ say như một khúc gỗ, như một chiếc guốc (dormir comme une souche, comme un sabot)	Ngủ say như chết.
Ngáy to như một con quay (ronfler comme une toupie)	Ngáy như kéo gỗ
Run như cái lá (trembler comme une feuille)	Run như cây sậy
Ranh mãnh như một con khỉ già (Malin comme un vieux singe)	Tinh ranh như quỷ
Đỏ như một con gà sống, như một con tôm (Rouge comme un coq, comme une écrevisse)	Đỏ như gấc, như son
Xinh như một quả tim (Jolie comme un cœur)	
Đẹp như ban ngày (Bel le comme le jour)	Đẹp như cái tép kho tương, như tiên non bông.
Ác như một con lừa đỏ (Méchant comme un âne rouge)	Ác như hung thần
Hiền như một bức tranh (Sage comme une image)	Hiền như bụt
Rát như một con thỏ (peureux comme un lièvre)	Rát như cáy
Trại lại, lại có những câu ví của người Pháp và người Việt nam giống nhau như hệt.	
Người Pháp nói	Ta nói
Ở với nhau như chó với mèo (vivre comme chien et chat)	Cãi nhau như chó với mèo
Sung sướng như cá ở trong nước (heureux)	Sung sướng như cá gặp nước, như rồng gặp

comme un poi son dans l'eau)	mây
Nhẹ như cái lông (léger comme une plume)	Nhẹ như cái lông hồng
Ngọt như mật (doux comme du miel)	Ngọt như mật
Cao như một con sếu (grand comme une grue)	Cao như sếu vườn
Mặt choắt bằng một nắm đấm (figure grosse comme le poing)	Mặt choắt bằng một nắm đấm, bằng ba ngón tay chéo
Chắc như đá (ferme comme un roc)	Trơ như đá, vững như đồng
ăn như trạch (échapper comme une anguille)	Lăn như trạch
Xấu như quỷ, như khi (laid comme un démon—laid magot, laide guenon)	Xấu như quỷ, như khi
Trần như một con sâu (nu comme un ver)	Trần như rỗng
Đen như huyền (noir comme le jais)	Đen như hạt huyền
Lại còn nhiều câu ví lấy ở điển tích Hy Lạp, La-mã v. v. cũng như nhiều câu của ta lấy ở điển tích Tàu:	
Người Pháp nói	Ta nói
Đẹp như nữ thần Vénus (belle comme Vénus)	Đẹp như Tây thi
Giàu như vua Crésus (riche comme Crésus)	Giàu như Thạch Sùng Vương Khải
Sống lâu như ông Ma-thusalem (vieux comme Mathusalem)	Sống lâu như Bành t
Khoẻ như Milon như Hercules (fort comme Milon comme Hercules)	Khoẻ như Hạng vũ
Cách tỉ lệ lại còn thấy trong ca dao. Trai gái hát với nhau dùng những câu ví von bóng bẩy thú, tưởng chừng như các nhà văn ngồi ở phòng ấm đầu nệm óc, mắt bao công phu gọt rửa cũng không thể viết được bằng. Đây là nhờ một anh chàng nói với người thiếu nữ mà mình đã thầm nhớ trộm yêu:	
Dây tơ hồng chưa se đã mắc	Rượu quỳnh tương chưa nhấp đã say

Chẳng chê chẳng chán sao say,
 Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm
 Tìm ai như thể tìm chim
 Chim ăn bẻ bẻ đi tìm bẻ đồng.
 Nhớ ai con mắt lìm dìm,
 Chân đi thối thối như chim tha mồi
 Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
 Như đứng đống lửa như ngồi đống rơm

Ca tụng sắc đẹp người yêu, không cần đến những câu: « mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da » hay là « chim đáy nước cá lừ đừ lặn, lửng da trời nhận ngấn ngơ sa » anh ta đem dùng một thứ văn dãn dị ngáy thơ, mộc mạc như tâm hồn mộc mạc những người sống đằng sau lũy tre xanh

Cổ tay em trắng như ngọc,
 Con mắt em liếc như là dao cau.
 Miệng cười như thể hoa ngâu.
 Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

Nhiều khi anh chàng đến quá chậm, nàng đã có chồng « như chim vào lồng như cá cắn câu ». Khác nào người tiết phụ của Trương Tích ngâm ngùi giả lại cùng hai giọt lệ đôi ngọc minh châu cho người đã tặng mình, nàng không nhận miếng trầu chàng mới ăn, chỉ buồn rầu thương thân trách phận không được cùng ai gặp gỡ những khi còn là một thiếu nữ thơ ngây. Khốn nạn thay thân phận đàn bà! « Thân gái như hạt mưa sa, hạt vào giếng nước hạt sa ruộng lầy ». Vì nhà nghèo, nên mẹ tham con lợn béo, tham thúng xôi rền, bắt buộc phải lấy chồng không xứng đáng:

Tôi đã bảo rằng đừng,
 Mẹ hăm mẹ hủ mẹ bùng ngay vào.
 Bây giờ kẻ thấp người cao,
 Như đôi dưa lệch so sao cho vừa

Anh chồng ấy có khi lại vừa sấu vừa đen, rồi sứt rồi xỉ, chân đi chữ bát mắt thì ngường thiên. Mất lúc tức mình nàng nhưng muốn « bắc thang lên tận ông trời, bắt ông Nguyệt lão đánh m... i căng tay đánh rồi lại trói vào đây, hỏi ông Nguyệt lão nào lấy tơ hồng? ». Thật là:

Khốn nạn thay nhận ở vợ người
 tiền ở với củ người cười với ma,
 Con công ăn lẫn với gà
 Ròng kìa nọ coi mà sao nên

Nhưng có cô lẳng lơ trộm thấy anh chàng đẹp trai đi trên đường cái quan, liền đi để « than thở vài nhời ». Rồi thì hỏi thăm quê, hỏi xem đã có vợ con chưa, mẹ già để ở nơi nào, « để em tìm vào nhà hạ thay anh ». Nàng ca tụng miệng cười xinh đẹp của khách qua đường, khen anh ta lịch sự có duyên dạn dàng và nói:

Gió thu thổi ngọn phù dung
 Dục như sắt anh nung cũng mềm

Trông anh như thể ngàn vàng
 Bỏ ra thì khách hồng nhan được nhờ
 Anh như chỉ thấm thấm cỏ
 Em như rau má lờ mờ piêng khơi.

Dù anh mà chẳng có nơi
 Em xin vượt bể qua gò theo anh.

Nhưng có khi không may gặp phải con người sắt đá, chẳng những họ không siêu lòng trước những câu lời lẽ, lại còn dùng nhời cay độc để mỉa mai:

Cái cổ yếm cô nó thông thông thông
 Tay cô đeo vòng như bắp chuối non.

Em khoe em đẹp em tròn,
 Anh trông nhan sắc em còn kém xuân.

Thất vọng và buồn tủi, người thiếu phụ si tình thốt ra mấy câu đau đớn và bức tức:

Anh như tàn tía tàn vàng.
 Em như mảnh chiếu rách nhà hàng bỏ quên.

Lạy gò cho cả gió lên,
 Cho mảnh chiếu rách lên trên tàn vàng.

Nhưng thường bị cự tuyệt, không phải người trong « phái đẹp » như cô ả nọ, mà lẽ tất nhiên là những cậu con trai hề thấy bóng con gái là buông lời bỡn cợt. Vô phúc gặp phải người đánh đá, chắc chắn là mang nhục vào thân. Đây là mấy anh chàng có tiếng tráo tráo vừa thấy hút mấy thiếu nữ xinh tươi, đã bảo nhau đứng lại để trêu ghẹo. Một anh cất tiếng hát:

Người ta con trước con sau,
 Thân anh không vợ như cau không buồng.

Cau không buồng ra tuồng cau đực,
 Giai không có vợ cực lắm em ơi.

Người ta đi đón về đôi,
 Thân anh đi lẻ về loi một mình.

Một anh khác lại hát tiếp:
 Trông tránh như nón không quai,
 Như thuyền không lái như ai không chèo.

Gái có chồng như gong đeo cổ,
 Gái không chồng như phản gỗ long danh.

Phản long danh anh còn chữa được,
 Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi.

Không chồng khốn lắm chị em ơi!
 Một cô trong bọn giả nhời bằng một giọng đầy kiêu hãnh:

Thân chị như cánh hoa sen.

Em như bèo bọt chẳng chen được vào

Không để cho nàng hát tiếp, một cậu con giai lập tức nối liền:

Lạy gò cho cả mưa rào
 cho sấm, cho chớp, cho bão to gió nhơn,
 Cho sen chìm xuống, bèo trôi lên trên.

Các cô then đỏ mặt tía tai, trong khi từ phía nổi lên những tiếng cười chế nhạo, và còn đang nhìn nhau chưa biết giả nhời thế nào, thì anh chàng lại hát luôn:

(Xem tiếp trang 31)

III XÃ-HỘI VIỆT-NAM TỪ THÊ-KỶ THỨ XVII III

(Tiếp theo trang 10)

một quang cảnh thích ý và vui mắt, tôi giao việc đếm thuyền cho người khác. Những chiến thuyền này giải chừng ba mươi đến ba mươi nhăm thước và rộng chừng mười bốn, mười lăm thước. Không có gì trở ra hai bên sườn như thuyền chiến Âu châu ở đằng đầu cũng không có mũi nhọn (để đâm thủng tàu bên địch) Bánh lái giống như bánh lái dọ chở trên sông, ở cuối thuyền chớ không ở một bên mạn những thuyền to như thuyền rồng mỗi bên mạn có ba mươi mái chèo; thuyền khác có hai mươi nhăm mái chèo; thuyền bé có mười tám hoặc hai mươi chiếc thoi. Mỗi mái một người chèo; thành ra thuyền thủ chỉ có từ năm đến sáu chục người vừa chèo chống giỏi lại vừa chinh chiến quen; đến dịp thi buông tay chèo, họ vớ súng lúc nào cũng đề gần cạnh và họ biết cách dùng rất thắng lợi. Nhiều thuyền không dùng còi, những viên thuyền trưởng ngồi trên trong cái « phòng » hay một cái « đài » cao đặt ở đằng lái một tay cầm một thanh gỗ gõ vào một thanh khác cầm ở tay kia lúc mau, lúc chậm để sai khiến sức nhanh chậm của thuyền bọn thủy thủ bơi rất đúng với mệnh lệnh của thuyền trưởng. Họ phải là bọn đồng tuổi, đồng sức vóc, khéo léo và thạo việc; họ đi chân đất đóng một chếc khổ nhưng mặc áo máy cùng một thứ vải với mũ. Trên thuyền chỗ sang trọng nhất ở đằng lái: đây có một khoang thuyền rất xinh xắn và cân xứng với thuyền, bên ngoài có nét chạm trổ rất đẹp mạ vàng: bên trong có dát vàng, quét sơn tinh tế và phủ những bức thêu bằng lụa; dưới sàn giải chiếu cời mảnh; chung quanh khoang có bao lơn và nhiều cột nhỏ đặt như chung quanh một dãy hành lang; có một hai khẩu thần công đặt trên đá chứa được tám cân đạn. Thuyền cũng có sên (tillac) và... (tenda) mũi thuyền và lái thuyền đều tròn và cất cao khỏi

mặt nước chừng bốn năm thước có trạm nhiều hình và lá nổi, thép vàng và sơn màu rất thanh nhã và đẹp mắt. Mạn thuyền là chỗ đặt bơi chèo cũng được trang điểm bằng những hình chạy thành hàng chung quanh thành. Họ không dùng nhựa thông hoặc mỡ bò phết thuyền, nhưng một thứ sơn thường pha giống như sáp Tây-ban-Nha, khi nào ánh nắng vào, thuyền sáng nhoáng làm mắt bị chói không đương nổi. Nhưng thuyền ngự có nhiều vàng dát, bên trong khoang có ít nhiều, chỗ mạ vàng; tất cả các mái chèo của những chiếc thuyền này đều mạ (? sơn) vàng. Thuyền nào cũng có mũi che, « vĩ » phủ lên trên để che ánh nắng gay gắt; có những thứ chiếu cời to đan rất khéo, chống lên nhiều con sào và buộc vào những sào ấy bằng giây tơ. Những thuyền của các vương thân đại thần, thái giám cũng được trang hoàng ít nhiều tùy theo sự chủ nhân những chiếc thuyền này tiêu vào đấy nhiều hay ít. Thuyền cũng có cột và buồm nhưng tôi chỉ thấy họ dùng chèo thoi. Chính vậy bọn chân sào vì lòng tự ái không bao giờ bỏ tay chèo, tuy nhiều khi gió thuận, thổi từ đằng lái lên: họ không muốn đức vua và các thuyền rồng chịu nguy hiểm vì sức gió, chỉ khi nào họ thi bơi, họ mới dương buồm lên mà thôi. (Trang 99 — 103)

N.T.P.

CHIM YÊN

(Tiếp theo trang 17)

khác hẳn. Đáy lòng, ở thâm tâm, một chút gì thuộc về hẳn chúng ta như hơi thở — Em làm việc hoài và chịu mệt; ngừng tay một lát, nóng rồi đó đã đợi em rồi — Em tự hỏi luôn người đời cùng một cảm tưởng như em chăng. Không bao giờ thấu được. Thế có lạ không, ngay sau tiếng rít, em vui đã hiện ngay nổi... buồn. Ôi, tiền, gì? em nghe thấy đó.

PHẠM CHÍ LƯU

Lược dịch \ rút trong tập chuyện
The Dove's Nest (Tổ chim bồ câu)

Katherine Mansfield

TIN BUỒN

Hùng tôi vừa được tin cụ thân-sinh ra các ông Đoàn-phú Quấn và Đoàn-phú Tứ vừa tạ thế tại Hà-nội. Vậy xin, cô nhời thành-thực chia buồn cùng hai ông và tang-quyến.

THANH NGHỊ

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TÂM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ-doãn)

Chuyên môn nhuộm tóc và uốn tóc bằng máy điện,

Lớn nhỏ và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

CHÍNH THỂ ĐỘC TÀI

(Xem tiếp trang 3)

tháng chạp năm 1933 cử ông Rudolf Hess (là người đại-diện của ông Hitler đứng đầu đảng quốc-xã) và ông Roehm (quân-đốc đội-dân-binh của đảng) làm Tổng-Trưởng; đạo-luật ngày 30 tháng giêng năm 1935 buộc dân-binh (miliciem) tập-sự trong quân-đội của quốc-gia vân vân...

Ấy là chưa kể rằng đại đa số đảng-viên đều giữ những chức-vụ quan-trọng trong chính giới.

Lấy đảng-viên cho làm nhân viên của chính phủ; kẻ ra có ích nhưng cũng có hại cho đảng là vì đã là nhân-viên chính-phủ thì mất tinh-thần độc-lập và phấn-đấu của một đảng-viên chân-chính.

Đảng quốc-xã cũng nhận thấy thế, nên sau mấy năm kinh-nghiệm đã tìm cách lọc-trọn kỹ càng đảng-viên, và phân-biệt nhiệm vụ của đảng với nhiệm vụ của chính phủ.

Ở Hội-nghị Nuremberg, ngày 16 tháng chín năm 1935 ông Hitler đã bày tỏ rõ ràng ý-kiến của đảng về hai nhiệm-vụ ấy: chính phủ điều khiển cuộc sinh hoạt của quốc-gia theo pháp-luật còn đảng có một nhiệm-vụ cao hơn: là giữ gìn tinh-thần quốc-dân và lựa chọn những người cầm-đầu cho đoàn-thể, mà phần tử hoạt động nhất cho đảng là thanh-niên.

PHAN ANH

Thông chế PÉTAIN đã nói:

« Các người phải tin cậy bản - chức và bây giờ, bản-chức chỉ có mệnh lệnh này ban ra: ai ai cũng phải làm trọn nghĩa-vụ trong vòng kỷ - luật, trật-tự, bình tĩnh ».

HỘP THƯ

Các ông: Càng Khanh, Tế Hanh (Huế) Nguyễn cộng Tích (Haroi) Nguyễn tăng Phú (Quangyên).

Có nhận được bài gửi đăng số tốt. Xin cảm ơn. Đang xem. — *Bạn Nguyễn tăng Phú*: xin cho nhà báo biết địa chỉ. — Ông Tế Hanh — Huế: Sẽ đăng « Một làng thương nhớ » của ông.

Các bạn biên thư hỏi nhà báo phải kèm theo tem để trả lời.

CHƠI SÁCH LÀ LỖI CHƠI CAO THƯỢNG VÀ LỊCH SỰ

Các bạn là bạn của sách vở, nên nhớ ngày 20-12-42 tại hội chợ Saigon xem hai trăm pho sách quý đẹp của:

NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC THÁI-BÌNH

Đem vào dự hội chợ Saigon năm nay

Toàn những tác phẩm giá trị của các nhà văn:

Tiên-diên NGUYỄN DU, PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN VINH, ĐÀO DUY ANH, CORDIER, TRẦN TRỌNG KIM, BÙI KỶ, NGUYỄN VĂN NGỌC, NGUYỄN HỮU TIỀN, NGUYỄN ĐÓN PHỤC, NGUYỄN ĐỖ MỤC, ĐINH XUÂN HỘI, NGUYỄN QUANG OÁNH, TẤN ĐÀ, NGUYỄN ĐỒNG CHI, CHU THIÊN, NGÔ TẤT TỐ, KHUÔNG VIỆT, KHÁI HƯNG, NHẤT LINH, THẠCH LAM, TRẦN TIÊU, THAO THAO, THẾ LỮ, HUY, CẬN, HÀN MẶC TỬ, NGUYỄN TUÂN, NGUYỄN TRIỆU LUẬT, VŨ TRỌNG PHỤNG, ĐỖ PHẤN, TRƯƠNG TỬU, NGUYỄN ĐỨC QUỲNH, V. V...

Cách trình bày mỹ thuật. — Sách bọc da, phủ gấm chữ khảm vàng, lồng trong khung hộp quý. Những pho sách này đem vào có số sẽ bán hết trong mấy ngày đầu, các bạn chơi sách quý đẹp nên tới coi sớm tại:

GIAN HÀNG ĐỨC-NGHI & C^{ie}

≡ Stand 159 P, gần Bai Français ≡

là nhà đứng làm đại lý bán những sách này. Các bạn chơi sách đẹp muốn hỏi thêm điều gì xin viết thư thẳng cho:

NHÀ SÁCH MINH - ĐỨC THÁI BÌNH

PÉDOCA

vinaigre de bon goût

EN VENTE:

da s tous les grands magasins
d'alimentations

N° 136

Boulevard A. Rousseau
Téléphone: 1663
HANOI

== MỘT VẤN ĐỀ LỊCH SỬ NỀN HỌC ==

(Tiếp theo trang 6)

Tài liệu cho công việc khảo cứu, ta cũng nên nhận rằng hiện thời rất hiếm và không đủ, có lẽ sau này ta phải tìm kiếm một phương pháp khoa học để tìm ra tài liệu xác đáng. đầy đủ: có lẽ khoa địa dư sẽ giúp ích được nhiều, nhưng phần chín thuộc về khoa sử học.

Bây giờ, dù muốn hiểu qua về sự thành lập dân tộc Việt Nam cũng rất khó khăn: không có một quyển sách nào có giá trị nói tới — bởi vì vấn đề khó, bởi vì không một nhà học giả, nào có gan tìm kiếm tài liệu, có trí xét đoán rộng rãi để nhận xét.

Công việc khảo cứu một vấn đề to tát và quan trọng như thế là một công việc chung.

Các người « hậu tiến » rất mong các bậc « tiền bối », biết chữ nho, chữ nôm, tìm kiếm vật liệu — kể ít người nhiều — để gom góp lại. Ta có thể hợp nhau mà bàn về vấn đề đó và trong buổi hội họp, có thể đem các tài liệu ra trình bày. Lễ tất nhiên là tờ báo *Thanh Nghị* có thể là cơ quan cho các bạn ở xa. (1) NGUYỄN THIỆU LẬU

(1) Sách viết bằng tiếng pháp như cái tập kỷ yếu của trường *Viễn đông bác cổ* giúp ích cho ta nhiều, tuy tài liệu khó « nhặt » và không đầy đủ.

Trong các sách chữ nho, có lẽ ta sẽ tìm kiếm được nhiều chứng dẫn có giá trị.

Năm 1929, ông Ngô văn Triện có đưa in trong *Trúc Khê thư cục tàng thư quyền Lịch sử Nam tiến của dân tộc ta* (giấy 36 trang, khổ nhỏ). Quyền đó làm không theo phương pháp khảo cứu, nhiều chỗ vô ích, nhiều chỗ thiếu. Chỉ là quyển sách đọc cho vui.

SỐ TẾT THANH-NGHỊ

ĐẶC BIỆT VĂN-CHƯƠNG VÀ MỸ-THUẬT

Một cuộc hội họp của các văn-gia, thi-sĩ, họa-sĩ, nhạc-sĩ vẫn được các bạn mến yêu: TÔ NGỌC VÂN trình bày.

BÀ PHAN ANH, ĐÀO DUY ANH, PHAN ANH, VŨ VĂN CẦN, ĐỖ ĐUỆ DỤC, TRẦN VĂN GIÁP, HOÀNG XUÂN HÂN, NGUYỄN ĐÌNH HÀO, VŨ VĂN HIỀN, VŨ ĐÌNH HÒE, NGUYỄN VĂN HUYỀN, PHẠM GIA KÍNH, NGUYỄN VŨ KONTUM, NGUYỄN XUÂN KHOÁT, VŨ ĐÌNH LIÊN, VŨ BỘI LIỄU, THẾ LỬ, ĐẶNG THÁI MAI, NGUYỄN NGỌC MINH, NGUYỄN LƯƠNG NGỌC, NGUYỄN TRỌNG PHẤN, NGUYỄN XUÂN SANH, NGUYỄN VĂN TỔ ĐỖ ĐỨC THẠ, NGUYỄN TUÂN, ĐOÀN PHÚ TỬ, ĐINH GIÁC TRINH, TÔ NGỌC VÂN, LÊ HUY VÂN.

Chú ý. — Các bạn đọc xa gần muốn hợp vui trong số Tết xin kịp gửi bài về. Những bài không cần bó buộc phải nói về tết miễn có giá trị về văn chương là đủ. Hạn gửi bài chỉ đến 25 Décembre là hết. Bài nào không đăng không gửi giả bản thảo.

THẺNG CHÁU VINH

NGUYỄN THỊ QUY

L. T. S. — Đây là ý kiến một bạn gái, về việc nuôi con, viết theo thể truyện ngắn, chúng tôi chú ý đến ý nghĩ hành thực của tác giả hơn là nghệ thuật kể chuyện.

TRẺ con chín, mười tháng, theo ý tôi, là thời kỳ đáng yêu nhất. Vì thằng cháu Vinh tôi hiện được mười tháng. Cháu Vinh là con đầu tiên của anh cả tôi, cháu đầu tiên của ông bà, thầy dì tôi và chúng tôi.

Thằng cháu không đẹp một tí nào, nếu phân tách từng bộ phận. Nhón lên, chắc sẽ béo phịch, mũn mẫn, lùn tịt. Nhưng hiện giờ, cháu đáng yêu lắm, trông toàn thể, cháu rất khéo, trắng trẻo và mũn mĩm.

Những lúc mồm sêu rãi, nước rãi chảy ra môi, môi cháu ướt bóng lên, cái môi non bầy, trông « ngon » làm sao, tôi chỉ muốn cắn nghiền vào môi nó. Hễ ai bế nó là cháu ôm ngay lấy cổ và áp má nó vào má người bế. Cánh tay ngắn ngắn của cháu, hai tay vòng lại chỉ vừa ôm đủ cổ người lớn, nó ôm một cách gờ guọng. Má bầu bầu của cháu áp vào má người bế, da thịt nó mới êm mát làm sao! Thằng cháu háu ăn lắm. Ngoài những lúc bú, nó cứ luôn miệng tộp tộp thích ngậm, mút cái gì. Người lớn giữ gìn thế nào cũng không làm cho cháu bỏ được cái thói quen mút tay cả ngày. Cái « bàn tay ech » bé nhỏ nắm lại, chừa một ngón tay cái, nó cho gọn vào tai mồm tròn tròn, mút một cách bầy bót vụng.

Thằng cháu ít cười hé to miệng. Nó chỉ háy cười tùm tùm, như người lớn vậy. Tôi ghét mãi về lối cười của nó. Mồm nó chum chim, ngoẹo về bên phải, sệch xuống phía dưới, mà tùm tùm cười. Mắt tròn xoe, nhìn một cách nham nhở, hóm hỉnh. Mọi người đã phải nói đùa là nó cười trông « sỗ siên » lắm.

Tên « Vinh » ít khi gọi đến. Mà chỉ gọi là: « thằng cháu », « thằng cu ». Cháu còn nhiều « biệt hiệu » khác nữa. Mọi người gọi một tên khác nhau, đặt ra theo một tính gì hoặc một

tiếng bập bẹ của nó. Nào thằng « tùm tùm », thằng « pù pù » và « thằng á gừ gà » v. v... Cháu luôn miệng « pù, pù » và thỉnh thoảng bập bẹ được mấy tiếng « á gừ gà ».

Trong gia đình đông đúc, cháu Vinh là vai quan trọng, đặc biệt nhất. Thầy tôi trước khi đi đâu cũng bế cháu một tý. Đi đâu về, câu nói trước nhất của thầy tôi cũng là: « Thằng cháu đâu? » Chúng tôi, sáng dậy phải bế cháu ngay, tối đến, cũng phải chơi với cháu một lúc rồi mới đi ngủ được. Tôi thường nói đùa: « Buổi sáng phải « lót dạ » cháu Vinh rồi mới ăn cơm được, ăn xong phải « đét se » cháu Vinh ngay thì mới chịu được ».

Trên nét mặt khô gầy, nghiêm khắc của ông bà, thầy dì tôi dù lạnh lùng đến đâu, hễ trông thấy thằng cháu là bấy nhiêu cặp mắt rần reo sáng thêm lên, những cái mồm mồm mém tươi ra một ít.

Cả nhà tôi, ai cũng yêu thằng cháu, muốn bế nó cả ngày. Nhưng từ ngày cháu được bảy tám tháng thì cháu đã biết lạ. Cháu chỉ theo mẹ cháu, người khác bế, cháu hay khóc lắm. Mà mọi người, ai cũng muốn được thằng bé « thân » với. Nhưng thằng bé đã trở nên khó tính, không như trước, ai nó cũng theo và thực là: « như củ khoai, tha hồ vằn ». Hồi nhỏ ai cũng khen nó « lành như đất ». Bây giờ nó đã biết khóc giả vờ, lối khóc không có nước mắt, khóc é a, khóc cả ngày cũng được. Tôi buồn cười và ghét nó làm sao, những khi người khác bế, nó đang khóc nức nở, hễ đưa chị tôi, là nó nín bặt, và quay lại nhìn người vừa bế. Nó tùm tùm cười, cái cười đặc biệt của nó, lúc này càng như trên người, làm cho người lớn phải tức mình lên vì hình như vừa bị mắc lừa nó. Về cười hóm hỉnh như tự đắc: « Ta cứ khóc giả vờ thế, sợ phép là phải giao giả mẹ ta ». Tôi « thèm » bế cháu, chỉ muốn được cháu thân với tôi như với

(Xem tiếp trang 30)

VIỆC QUỐC TẾ

I. — TÌNH HÌNH ÂU CHIẾN

Hơn một tháng nay Đồng-Minh đồng-thời tấn công ở nhiều nơi, định làm lung-lay địa vị của Đức-Ý và xoay đổi tình thế có lợi cho mình. Nhưng ở Bắc-Phi cũng như ở Nga, sau ít nhiều thắng lợi, quân Đồng-Minh đã phải ngừng lại trước sự phản công-kịch liệt của quân Đức-Ý và bị thua ở nhiều nơi.

Mặt trận Phi-Châu

— Đảo Réunion của Pháp gần Madagascar, đã bị quân Anh ở miền Nam-Phi chiếm cứ (28 Novembre). Ông Aubert toàn-quyền đảo đó tổ-chức cuộc kháng-chiến, nhưng đến ngày 30 Novembre quân Pháp phải ngừng chiến, ông Aubert cùng hai viên đại tá bị bắt làm tù binh.

— Ở Bắc-Phi quân Anh Mỹ có ý bao vây miền Bizerte Tunis làm cho quân Đức-Ý ở Tunisie không liên-lạc được với đạo quân của Thống-Chế Rommel ở Tripolitaine. Nhưng sau khi chiếm được Djedeida ở phía tây cách Tunisie 20 cây số, thắng lợi ở chung quanh Mateur, ném bom xuống Bône và Bizerte quân Anh Mỹ bị phản công rất dữ. Đức dùng nhiều vận-tải lớn nhất hoàn cầu để chở viện binh sang Tunisie. Quân Đức ý tấn công lấy lại được Djedeida, tiến về miền Toubourba. Quân Anh Mỹ định thủ ở mấy ngọn núi phía tây nam, nhưng rồi bị quân địch bao vây, đánh tan phòng tuyến và phải rút lui. Quân Trục lại chiếm được hải cảng Tabarca trên đường sắt từ Bône tới Bizerte cách Bizerte 240 km, và từ từ tiến về phía tây. Trong khi đó lộ quân thứ tám của tướng Montgomery vẫn còn do dự chưa tấn công vào các địa điểm của thống chế Rommel vì gặp nhiều nổi khó khăn trong việc tiếp tế; những đường vận tải ven biển, và ở Đông Địa Trung Hải luôn luôn bị phi cơ và tiềm thủy đình phá hoại. Mỗi ngày gần đây tướng Montgomery mới dự định khởi cuộc tấn công vào phòng tuyến Đức ở El-Agheila bằng một chiến lược mới. Nhưng chọc thủng được phòng tuyến rất mạnh của thống chế Rommel không phải là một việc dễ dàng.

— Người ta đang bàn đến rất nhiều về việc hình thành có sự bất hòa giữa những tướng De Gaulle và Catroux một bên, được Anh tin nhiệm, và do đốc Darlan một bên, đã đứng ra điều đình và ký hiệp-ước đình chiến với Mỹ ở Bắc phi

Mặt trận Nga.

Mặt trận Nga, dưới những trận gió lớn và bão tuyết trở nên thâm trầm gay go vô cùng. Đồng thời với cuộc đổ bộ của Anh Mỹ ở Bắc phi

Hồng-quân đã tấn công khắp nơi từ Bắc-băng dương xuống tới dãy núi Caucase: Leningrad, Kalinine, Jev, Voronej, Stalingrad, Terek, chủ ý định cắt đứt quân đội Đức làm nhiều đoạn và bao vây các đường giao-thông. Nhưng sau những cuộc thắng lợi ở vài nơi, quân Nga đã phải ngừng trước sự phản công ráo riết của Đức, trước những hàng phòng tuyến bền chặt, cố giữ thế thủ của Đức. Những cuộc giao-chiến quan-trọng nhất vẫn là ở bờ sông Don, phía Tây-Nam Stalingrad. Quân đội bên kịch-chiến dữ-dội trong miền giữa hai đường xe lửa: 1 đường từ Stalingrad đến Rostov, 1 đường từ Stalingrad đến Krasnodar. Hồng quân vẫn nhằm đích Rostov. Nhưng quân Đức vẫn giữ vững được tình thế, và làm thiệt hại cho quân Nga rất nhiều. Ở mặt trận trung-ương cuộc tấn công của Nga bị thất bại lớn, quân Đức đã bao-vây được quân địch ở khu Toropetz; chừng mười sư-đoàn Hồng quân sắp bị tiêu diệt, trong đó có «quân-đoàn Staline» là những đội quân tinh-nhuệ nhất dành riêng cho những cuộc tấn công.

Ở Pháp.

Sự giải tán quân-đội Pháp được yên-tĩnh.

Có cuộc hội-đàm giữa Thống-Chế Pétain với Thống-Chế Von Rundstedt tại Vichy (10 Décembre)

.....

II. — TÌNH HÌNH Á-ĐÔNG

Mặt trận Thái-Bình-Dương

Trong trận thủy-chiến Salomon thứ ba quân Nhật đã đánh bại hạm-đội Mỹ. Hải cảng Moresby (phía Nam đảo Nouvelle-Guinée) bị phi-cơ Nhật tấn công.

— Không quân Nhật đánh phá vùng bờ biển Ấn-Độ ném bom xuống cảng Chittagong ở biển-thùỵ Điện-Điền Ấn Độ.

— Ngày 7 Décembre quân Nhật tổ - chức kỷ - niệm năm thứ nhất cuộc chiến tranh Thái - Bình-Dương ở khắp nơi.

Ở Đông Dương

Cuộc thi Tiều-công-nghệ tại Ấu-tri-viên Hà Nội đã cho ta biết sự tấn-tới hạ quan của nền Tiều-công-nghệ xứ này.

— Nhân ngày kỷ niệm năm thứ nhất cuộc chiến tranh Đại-Đông - Á phòng Lục quân tòa phái - bộ Nhật ở Đông-Dương tuyên một bài thông-cáo pháo qua những lực hành - binh quan trọng của Lục-quân Nhật - tiến Nhật trong nam vừa qua. Phòng Thông tin tòa Nhật có tổ chức những cuộc chiếu bóng và trưng bày tranh ảnh về trận Đại-Đông-Á.

— Hồi 2 giờ chiều ngày 14 Décembre phi - cơ địch ném bom xuống Hà Nội nhưng không thiệt hại đầu cả.

Đ.Đ.D.

đọc sách mới

Lương Đức Thiệp Việt Nam
Thi Ca - Luận
Khuê Văn
— Kinh Kha
Đối vợ chồng
Cộng Lực.

Sau hai ông họ
Hoài và nhóm
Xuân Thu, ông
Lương Đức
Thiệp là người
thứ ba, trong
vòng nửa năm
nay, đem thi ca
ra để luận-bàn.

Các thi-sĩ Việt Nam đã đến lúc đủ tự-tin để đứng
ra lập thành môn-phái rồi chăng? Dù thế nào, sự
cố gắng để đem ý kiến lập thành thống-hệ cũng
đáng khen vô cùng vì chúng ta tuy có nhiều người
làm thơ nhưng chẳng có ai lý thuyết cho thơ.

Sách của Ô. L. Đ. T. chia làm bốn phần. Phần
đầu bàn về nguồn gốc thơ Việt Nam, phần thứ hai
nói về thơ Việt Nam hiện đại, phần thứ ba về tình
cách thơ Việt Nam xưa. Phần thứ tư mới là
chỗ dụng công của tác-giả: tác giả cố sức giải bày
quan-niệm thi ca của mình và những nguyên-tắc
một thi-sĩ cần phải noi theo.

Tác-phẩm tỏ ra Ông Lương đã có công suy nghĩ
nhưng tiếc rằng đó mới chỉ là « dấu vết » của cuộc
« suy-tưởng triền miên » chứ không phải là kết-quả
chọn lọc có nhiều sự thiếu sót sai lầm. Sự thiếu sót sai
lầm lại có thể do sự tác giả không đủ thì giờ « sưu
tầm lâu dài qua sách báo » Tỉ như đoạn khảo về
các thi-phái của Pháp, Ông Lương đã không phân
biệt được rõ ràng những chủ trương của họ. Nói
rằng bọn Surréalisme « chém bỏ các thành kiến
các quan niệm cũ về nghệ-thuật, về thi-ca » rồi thôi
thì quả chưa thấu được hết chỗ đặc sắc của tư-tưởng
André Breton. Và có lẽ cũng vì ít đọc sách nên tác
giả mới có những câu nói quả quyết, táo bạo
« nhưng thường cái gì ta đã hiểu thấu, dầu tế nhị
đến đâu ta cũng diễn tả ra được ».

Tuy vậy tư tưởng của Ông Lương có nhiều chỗ
đáng. Giả-thuyết về tiến hóa của thi ca Việt-
Nam thừa trước rất là khéo. Lời phê bình các thi
sĩ cận đại nhiều câu thật đúng. Sau nhóm Xuân-
Thu tác giả cũng tìm thấy những tính cách hàm
súc, tổng hợp của thi ca.

Nhưng khi Ông Lương công kích các thi-phái mà
mà ông tưởng tìm thấy trong làng văn Việt Nam
thì ông có một sự nhầm lẫn. Những phái Lão-Mạc
Tả Chân, Hồn Nhiên, Tượng Trưng, Thuần Túy
(trừ phái Tượng trưng), đều có tên trong làng văn
Pháp, Phê bình những chủ-trương của các phái đó
thì chỉ bằng phê bình ngay các đại danh thi-sĩ ở
bên Pháp cho song. Vì các thi sĩ của ta chỉ là những

bóng mờ của các lãnh tụ thi-phái Pháp. Cãi nhau
với học trò thì sao tìm thấy lẽ phải. Phải cãi nhau
với ông thầy học. Nhưng có một điều phiền là phê
bình như thế thì trước hết phải đọc các nhà phê
bình Pháp đã. Mà đọc sách thì theo lời tác giả
là một sự tác-giả không đủ thì giờ làm.

Vì thế nên tuy chủ trương của ông rất hay: hòa
hợp tất cả các thi phái trên lại, nhưng nhờ luận
của ông không làm cho độc giả phải kinh phục. Về
đoạn nói về nguyên tắc ông đã nhầm nguyên tắc
với lối hành-văn: thi vị hóa nhân cách hóa, tượng
trưng hóa văn bản.. chỉ là những cách làm văn mà
nhà thi sĩ nào chẳng phải biết dù là biết như
kiểu ông Jourdain của Molière.

Nói tóm lại ông L. Đ. Thiệp đã chịu suy nghĩ
công phu nhưng chỉ tiếc giá sự suy nghĩ đã có thêm
chút ánh sáng của khảo-cứu thì hay biết bao.

Đối vợ chồng là một chuyện dài của Ông Kinh-
Kha. Truyện đó viết bằng một thể văn rất mới lạ,
tả cuộc đời tâm lý của một đôi vợ chồng. Chỉ tiếc
rằng Ông Kinh-Kha đã phỏng gần đúng một quyền
tiểu thuyết của nhà văn Pháp Jacques Chardonne
nhân đề là Eve. Nhà văn đó nổi tiếng ở Pháp
vì chuyên viết về ái-tình của những cặp vợ chồng
là một thứ ái-tình ít được nói đến trong các tiểu
thuyết Pháp từ trước đến nay. Ông Kinh Kha có
thay đổi những tiểu tiết nhưng đại khái cách tiến
hóa của câu chuyện vẫn y-nguyên. Tưởng tác giả
không nên quên báo trước cho độc-giả sự mô
phỏng của mình thì đúng đắn hơn. L. H. V.

THĂNG CHÁU VINH

(Tiếp theo trang 28)

mẹ cháu. Tôi nghĩ rằng trẻ con yêu mẹ đâu phải
vì biết là « mẹ ». Chúng chỉ mến người nào
ấm bẽ nhiều nhất. Nên mấy tháng về sau này,
chỉ trừ những lúc chị tôi cho cháu bú, còn tôi
tranh lấy bẽ ẵm, chăm nom cháu. Cháu có mến
tôi hơn mọi người. Nhưng với chị tôi; cháu vẫn
quần quít hơn tôi. Đang ở tôi, thấy chị tôi cháu
đơ tay đòi bẽ. Được bẽ, cháu tét miệng ra
cười, hai tay sờ vào vú mẹ, mân mê đầu vú một
cách sung sướng, hoặc ngoạm lấy bú một cách
ngon lành. Còn đang ở chị tôi, tét đón bẽ, cháu
không mau mắn theo ngay. Tôi tức tối lắm,
nói với chị tôi: « Em giận « thằng chó con » này
quá. Em đã « nịnh » nó hết cách, mà nó cũng
không thân với em bằng chị. Thì ra nó chỉ ưa
hai cái vú sữa của mẹ nó thôi! »

Chị tôi cười một cách sung sướng trả lời:

« Thế mới biết những người mẹ không nuôi
lấy con, không cho con bú, thiệt thòi lắm cô nhí »

NGUYỄN THỊ QUY (Mỹ-Hào)

<https://tieulun.hopto.org>

XONG:

GIỌT SƯƠNG HOA (XUÂN)

của

PHẠM VĂN HẠNH

«...Vô số mùi sắc ngẫu-hợp chảy ra giọt sương Lý tưởng cho ta ngưỡng vọng đời...»

«Tác-phẩm mở đầu khóm sách văn nghệ tiên phong».

ẤN - BẢN - CHÍNH HẠN ĐỊNH

8 bản Impérial Annam, bán 2 bản. Giá mỗi bản. 20\$00

50 bản Impérial Đại-la, bán 20 bản. Giá mỗi bản. 10\$00

8 bản Alfa, không bán.

350 bản đánh số. giá mỗi bản. . . 2\$50

Độc giả hãy đón trước ở các hàng sách, vì chỉ gửi cho đại lý rất ít. Người chơi sách gửi ngân phiếu về ông:

HÀ VĂN THỰC

Nhà xuất bản Lụa-lúa-vàng
49, Phố Trétsin, Hanoi

TÌNH HOA VÀN THƠ CỔ ĐIỂN VIỆT-NAM

CHIÊU HỒN

Một bài thơ dài của tác giả Kim Vân
Kiều và cao sáu hơn truyện Kiều

Với một thiên khảo cứu, phê bình và triết lý và hình nhị thượng Phật giáo trong hai tác phẩm Nguyễn Du của Trọng Miên.

Sách in khổ lớn 21 X 27 trên giấy registre (loại thường) và giấy vélin bouton d'or (loại đẹp) do họa sĩ Phạm Tú trình bày và ấn công J. Aspar trông nom về ấn loát.

Ấn có tranh, in hai màu rất đẹp và mỗi cuốn sách đều có thêm một phụ bản của Phạm Tú

Chỉ gửi theo lãnh hóa giao ngân Hoa hồng 25%.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÔNG-PHƯƠNG

227, Paul Blanchy — Saigon

Tổng phát hành Hanoi:

M. PHAM QUY LAN

Nº 20, Cité Nam-ky — HANOI

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG - THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHUNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN.